

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thuế ra đời, tồn tại và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của Nhà nước là một vấn đề hết sức quan trọng đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Từ những năm 1990 nước ta áp dụng thuế doanh thu đối với đơn vị sản xuất kinh doanh để tạo và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, phục vụ yêu cầu kiểm kê, quản lý, hướng dẫn cho mọi cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động có lợi cho nền kinh tế. Tuy nhiên, sau một thời gian áp dụng thuế doanh thu đã bộc lộ những nhược điểm về mức thuế suất, hiện tượng thuế chồng thuế, ảnh hưởng xấu đến sản xuất kinh doanh và nguồn thu của ngân sách Nhà nước.

Tháng 5/1997 Quốc hội chính thức ban hành luật thuế GTGT, áp dụng từ ngày 1/1/1999 góp phần thúc đẩy sản xuất, mở rộng lưu thông hàng hoá và dịch vụ, khuyến khích phát triển nền kinh tế quốc dân, động viên một phần thu nhập của người tiêu dùng, các tổ chức kinh tế vào ngân sách Nhà nước.

Thuế GTGT ra đời từ rất lâu và áp dụng rộng rãi trên thế giới. Nhưng đối với nước ta đây là sắc thuế mới, còn non trẻ so với sự vận động của cơ chế kinh tế hiện nay nên đây cũng chính là khu vực mà NSNN bị thất thu lớn nhất.

Do vậy, cần có nhiều sự đóng góp hoàn thiện để đưa ra một chính sách thuế thống nhất và đúng đắn đảm bảo sự lành mạnh về cạnh tranh, góp phần xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, đưa nền kinh tế đi lên bước phát triển cao.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của thuế GTGT với sự phát triển của đất nước, dưới sự hướng dẫn tận tình của giảng viên Th.S.Thái Thị Thái Nguyên, em đã mạnh dạn chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN**” làm chuyên đề luận văn tốt nghiệp của mình với hy vọng sẽ góp chút ít suy nghĩ nhỏ bé của mình

để góp phần hoàn thiện hơn về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty .

2. Mục tiêu thực hiện đề tài

❖ Mục tiêu tổng quát:

+ Tìm hiểu công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty.

❖ Mục tiêu cụ thể:

+ Việc nghiên cứu đề tài này giúp em nắm rõ hơn về công tác kế toán thuế GTGT mà công ty thực hiện. Chủ yếu về tình hình áp dụng luật thuế vào hạch toán, phương pháp hạch toán, chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng, báo cáo thuế gửi cho thuế.

+ So sánh những gì tìm hiểu được thực tế tại doanh nghiệp có gì khác so với những kiến thức được học ở trường và đọc ở trong sách. Từ đó, có thêm được kiến thức thực tế phục vụ cho công việc sau này. Đồng thời, rút ra những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác kế toán thuế GTGT đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty.

3. Phạm vi nghiên cứu:

❖ Vị trí nội dung:

+ Khóa luận tập trung nghiên cứu chi tiết về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng

(GTGT) tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty

❖ Vị trí không gian:

+ Khóa luận được thực hiện tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN.

Địa chỉ: Khu Cảng Cá Tân Sơn, Thái Thụy, Thái Bình

❖ Vị trí thời gian:

+ Khóa luận được thực hiện từ ngày 06/04/2012 đến ngày 06/05/2012.

Việc phân tích lấy số liệu năm 2010,2011

4. Phương pháp nghiên cứu:

❖ Phương pháp thu thập thông tin:

+ Thu thập thông tin phản ánh tình hình thực tế tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty Việt Nam. Việc thu thập thông tin chính xác, khoa học sẽ phục vụ tốt và đảm bảo yêu cầu, mục đích của quá trình nghiên cứu

❖ Phương pháp phân tích đánh giá:

+ Sau khi thu thập số liệu cần tiến hành phân tích các số liệu ghi chép trên sổ sách của công ty, tức là chia nhỏ các vấn đề nghiên cứu để biến từ phức tạp trở nên đơn giản. Từ kết quả phân tích sẽ thấy những ưu nhược điểm của công tác kế toán từ đó có thể đưa ra những giải pháp phù hợp để hoàn thiện.

❖ Phương pháp phân tích so sánh:

+ Là việc so sánh các vấn đề có cùng nội dung nhưng ở những thời điểm khác nhau, để thông qua đó thấy mức độ tăng giảm và xu thế biến động của đối tượng.

5. Kết cấu khóa luận:

Nội dung của khóa luận để cập đến tình hình phát triển và thực trạng công tác kế toán thuế trong công ty. Kết cấu khóa luận gồm 3 phần như sau:

Phần 1: Lý luận chung về Thuế Giá trị gia tăng(GTGT)

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN.

Phần 3: Đánh giá về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN và Một số giải pháp hoàn thiện.

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, em xin chân thành cảm ơn cô giáo, Th.S Thái Thị Thái Nguyên đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo em. Em rất trân trọng và biết ơn Ban lãnh đạo công ty TNHH Rich Beauty đã tạo điều kiện để em được tiếp xúc với công tác kế toán thuế thực tế tại công ty. Tuy nhiên với kiến thức chuyên môn còn hạn chế và thời gian được tiếp xúc thực tế với

công ty chưa nhiều nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định.

Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy, cô giáo để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2012

Sinh viên

Phạm Thị Phương

PHẦN I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA

TĂNG (GTGT)

1.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA THUẾ GTGT

Chỉ có sản xuất mới tạo ra của cải vật chất cho xã hội và nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Do đó Nhà nước phải có trách nhiệm quan tâm, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, lưu thông được thông suốt.

Một môi trường đầu tư được coi là thuận lợi nếu trong đó có những cơ chế chính sách được qui định phù hợp, rõ ràng ổn định, ít biến động để tạo cho doanh nghiệp yên tâm bỏ vốn vào đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Qua việc thực hiện hệ thống thuế mới, đã tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển ổn định, khu vực kinh tế nhà nước được xắp xếp hợp lý hơn, các doanh nghiệp nhà nước hoạt động ngày càng có hiệu quả, trình độ tổ chức và quản lý kinh doanh ngày càng tốt hơn.

Thuế doanh thu đã được áp dụng từ lâu, với đặc trưng cơ bản là có nhiều thuế suất phân biệt theo ngành hàng, mặt hàng; thuế thu hàng tháng và tính trên tổng doanh thu bán hàng thuế doanh thu đã bộc lộ nhiều nhược điểm mà nhược điểm lớn nhất là việc thu thuế doanh thu còn trùng lắp, thuế thu chồng lên thuế. Bên cạnh hoạt động SXKD, xuất khẩu chưa được xem xét ưu đãi đúng mức. Việc quy định quá nhiều thuế suất (11 mức thuế suất; thấp nhất là 0,5%, cao nhất là 30%) của luật thuế doanh thu tạo cho đối tượng nộp thuế

dẽ lợi dụng để tính nộp thuế dưới mức nghĩa vụ quy định. Do đó, thuế doanh thu không phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Để khắc phục những mặt hạn chế của luật doanh thu, Quốc hội đã quyết định áp dụng luật thuế GTGT thay cho thuế doanh thu và chính thức được thi hành từ 1/1/1999. GTGT là thuế tính tiền khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ ở từng khâu bán hàng nên nó không trùng lặp, thuế GTGT chỉ đánh vào phần giá trị đã chịu thuế ở khâu trước đó trả nên rất khoa học và cần thiết đối với CNH - HĐH, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế trong điều kiện hiện nay.

1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế GTGT

1.2.1. Khái niệm

Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ (HHDV) phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế GTGT còn được gọi là VAT (Value Added Tax) là một loại thuế gián thu đánh trên phần giá trị tăng thêm qua mỗi khâu của quá trình sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, tổng số thuế thu được ở các khâu bằng chính số thuế tính trên giá bán cuối cùng cho người tiêu dùng.

1.2.2. Đặc điểm của VAT

Thuế GTGT là loại thuế gián thu, được tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình luân chuyển từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế GTGT là loại thuế đánh vào tiêu dùng, có phạm vi đối tượng thu rộng, bao gồm mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ. Thuế GTGT được áp dụng với cả hàng hóa, dịch vụ trong nước kể cả hàng nhập khẩu loại trừ một số hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế theo quy định cụ thể của từng nước. Đặc điểm này thể hiện ưu tính của thuế GTGT

đó là mặc dù mức thuế suất quy định không cao nhưng kết quả đem lại số thu cho Ngân sách Nhà nước rất lớn, lại là loại thuế gắn liền với giá bán nên dễ thu hơn các loại thuế trực thu khác.

Thuế GTGT là loại thuế mang tính trung lập cao bởi vì mục đích của nó không nhằm điều chỉnh sự chênh lệch về thu nhập hay tài sản như thuế thu nhập, thuế tài sản.

Là loại thuế gián thu điển hình, được tính dựa trên giá trị sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chứ không căn cứ vào hình thái hiện vật cũng như công dụng của chúng.

1.2.3. Vai trò của VAT

Thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và ổn định cho ngân sách nhà nước.

Thuế tính trên giá bán hàng hoá hoặc giá dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý thu tương đối dễ dàng hơn các loại thuế trực thu.

Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.

Thuế giá trị gia tăng cùng với thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao. Việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng được thực hiện căn cứ trên hoá đơn mua vào đã thúc đẩy người mua phải đòi hỏi người bán xuất hoá đơn, ghi doanh thu đúng với hoạt động mua bán; khắc phục được tình trạng thông đồng giữa người mua và người bán để trốn lậu thuế. Ở khâu bán lẻ thường xảy ra trốn lậu thuế. Người tiêu dùng không cần đòi hỏi hoá đơn, vì đối với họ không còn xảy ra việc khấu trừ thuế. Tuy vậy, ở khâu bán lẻ cuối cùng, giá trị tăng thêm thường không lớn, số thuế thu ở khâu này không nhiều.

Thuế giá trị gia tăng thường có ít thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng. Với ít thuế suất, loại thuế này mang tính trung lập, vì về cơ bản không can thiệp sâu vào mục tiêu khuyến khích hay hạn chế sản xuất, kinh doanh dịch vụ, tiêu dùng, theo ngành nghề cụ thể; không gây phức tạp trong việc xem xét từng mặt hàng, ngành nghề có thuế suất chênh lệch nhau nhiều.

Nâng cao được tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp thuế. Thông thường, trong chế độ kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, cơ quan thuế tạo điều kiện cho cơ sở kinh doanh tự kiểm tra, tính thuế, kê khai và nộp thuế. Từ đó, tạo tâm lý và cơ sở pháp lý cho đơn vị kinh doanh không phải hiệp thương, thoả thuận về mức doanh thu, mức thuế với cơ quan thuế. Việc kiểm tra thuế giá trị gia tăng cũng có mặt thuận lợi vì đã buộc người mua, người bán phải nộp và lưu giữ chứng từ, hoá đơn đầy đủ nên việc thu thuế tương đối sát với hoạt động kinh doanh từ đó tập trung được nguồn thu thuế giá trị gia tăng vào ngân sách nhà nước

ngay từ khâu sản xuất và thu thuế ở khâu sau còn kiểm tra được việc tính thuế, nộp thuế ở khâu trước nên hạn chế thất thu về thuế.

Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hóa có hoá đơn chứng từ; việc tính thuế đầu ra được khấu trừ số thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ.

Việc khấu trừ thuế đã nộp ở đầu vào còn có tác dụng khuyến khích hiện đại hoá, chuyên môn hoá sản xuất, tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để hạ giá thành sản phẩm.

Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại thuế khác như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu...góp phần làm cho hệ thống chính sách thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

- Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, VAT được coi là phương pháp thu tiên bộ nhất hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế. Tuy nhiên, trong thời gian đầu áp dụng thuế giá trị gia tăng đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc và Nhà nước ta đã từng bước tháo gỡ những khó khăn đó trong quá trình thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng.

1.3. Đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế

1.3.1 Đối tượng chịu thuế GTGT

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT được quy định tại điều 5 luật thuế Giá trị gia tăng.

1.3.2 Đối tượng không chịu thuế GTGT

Theo Luật thuế giá trị gia tăng 2008 số 13/2008/QH12 có 25 nhóm đối tượng sau thuộc diện không chịu thuế GTGT. Những nhóm đối tượng đó có những đặc điểm chung sau:

- Là sản phẩm của những ngành sản xuất kinh doanh trong những điều kiện sản xuất khó khăn, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, sản phẩm sản xuất ra lại dùng cho chính người sản xuất và phục vụ cho đời sống xã hội
- Là sản phẩm hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu toàn xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất văn hóa không ngừng tăng lên của con người
- Là sản phẩm hàng hóa phục vụ nhu cầu xã hội không vì mục tiêu lợi nhuận
- Là sản phẩm, hàng hóa dịch vụ mà thông lệ quốc tế không thu thuế GTGT
- Là sản phẩm hàng hóa dịch vụ được ưu đãi vì mang tính xã hội và tính nhân đạo cao
- Các sản phẩm hàng hóa dịch vụ do nhà nước quy định không thu thuế GTGT
- Hàng hóa, dịch vụ của cá nhân kinh doanh có thu nhập thấp dưới mức lương tối thiểu quy định cho công chức nhà nước

1.3.3. Đối tượng nộp thuế GTGT

Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng . Tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hóa dịch vụ bao gồm:

- Các tổ chức cá nhân tổ chức sản xuất kinh doanh theo luật doanh nghiệp, luật doanh nghiệp nhà nước, luật hợp tác xã

- Các tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và các tổ chức đơn vị sự nghiệp khác

- Các tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam, các công ty nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

- Các cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác.

1.4. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế GTGT là Giá tính thuế và Thuế suất

1.4.1. Giá tính thuế

- Đối với hàng hoá, dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT cơ sở sản xuất kinh doanh khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ phải ghi rõ trên hoá đơn các yếu tố theo quy định là giá bán chưa có thuế, thuế GTGT phải nộp và giá thanh toán (người mua phải trả cho người bán trong đó có cả thuế GTGT).

Ví dụ: cơ sở X bán 100 đôi giày, giá chưa có thuế là 300.000đ/đôi. Ta có: Giá tính thuế của số giày này là: $100 \text{ đôi} \times 300.000\text{đ} / \text{đôi} = 30.000.000\text{đ}$:

- Đối với hàng hoá nhập khẩu tại cửa khẩu (CIF) cộng với thuế nhập khẩu

Ví dụ: Cơ sở X nhập khẩu xe máy nguyên chiếc, giá nhập khẩu tại cửa khẩu (CIF) là 26.000.000đ/ chiếc. Thuế suất nhập khẩu 50%. Ta có:

Giá tính thuế của xe máy nhập khẩu là $26.000.000\text{đ} + 26.000.000\text{đ} \times 50\% = 39.000.000\text{đ}$.

+ Nếu hàng nhập khẩu được miễn giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế GTGT là giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu theo mức thuế đã được miễn giảm.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, sử dụng nội bộ, biếu tặng, giá tính thuế GTGT là giá tính thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động này.

Ví dụ: Cơ sở X tăng cơ quan M 20 đôi giấy. Khi đó:

Giá tính thuế GTGT của số giấy đó là: $20 \text{ đôi} \times 300.000đ/\text{đôi} = 600.000đ$

- Đối với dịch vụ do phía nước ngoài cung cấp cho các đối tượng tiêu dùng ở Việt Nam thì giá chưa có thuế GTGT được xác định theo hợp đồng, trường hợp hợp đồng lại không xác định cụ thể số thuế GTGT phải nộp thì giá tính thuế GTGT là giá dịch vụ mà phía Việt Nam phải trả cho phía nước ngoài.

Ví dụ: Công ty X thuê một Công ty kiểm toán nước ngoài vào kiểm toán, giá thanh toán theo hợp đồng phải trả là 500 triệu đồng thì giá tính thuế GTGT của công ty A về dịch vụ này là 500 triệu đồng.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản (không phân biệt tài sản và hình thức cho thuê) giá tính thuế là giá cho thuê chưa có thuế. Nếu cho thuê trong nhiều kỳ mà tiền thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho nhiều kỳ thì giá tính thuế GTGT là số tiền thuê đã trả giá tính thuế còn bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thuê thêm mà đơn vị cho thuê được hưởng.

- Đối với hàng bán theo hình thức trả góp, giá tính thuế GTGT là giá bán chưa có thuế trả 1 lần không tính theo số tiền trả góp từng kỳ (không bao gồm khoản lãi trả góp).

- Đối với gia công hàng hoá, giá tính thuế GTGT là giá gia công chưa có thuế bao gồm: tiền công, nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác để gia công.

- Đối với hoạt động xây dựng và lắp đặt, giá tính thuế GTGT là giá xây dựng, lắp đặt chưa có thuế GTGT. Trường hợp xây dựng, lắp đặt thực hiện

thanh toán theo tiến độ thì giá tính thuế GTGT là giá thanh toán từng hạng mục công trình hoặc phần việc hoàn thành, bàn giao.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù được dùng loại chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán thì giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT. Giá chưa có thuế làm căn cứ tính thuế GTGT được tính như sau:

Giá chưa thuế GTGT = Giá thanh toán / [1 + (%) thuế suất của hàng hóa/dịch vụ đó]

Ví dụ: Công ty vận tải hành khách Thái Bình- Thái Nguyên trong tháng 4/2012 nhận vận chuyển 1.000 lượt hành khách. Giá 1 vé 80.000đ/lượt/khách. Vậy tổng doanh thu (đã có thuế GTGT là): $1.000 \times 80.000 = 80.000.000\text{đ}$
Tổng doanh thu (chưa thuế GTGT) = $80.000.000\text{đ} / [1 + (10\%)] = 71.200.000\text{đ}$

- Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ hưởng tiền công, hoặc tiền hoa hồng như dịch vụ môi giới, đại lý... Thì giá tính thuế GTGT là tiền công hoặc tiền hoa hồng thu được từ hoạt động đó.

Ví dụ: Cơ sở A làm đại lý bán xe đạp tỷ lệ hoa hồng được hưởng 2 % trên doanh số. Tháng 6/2012 cơ năng bán được 200 xe đạp, giá (chưa có thuế GTGT) là 1.000.000đ/chiếc.

Giá tính thuế GTGT của dịch vụ này ở cơ sở A là: $200 \times 1.000.000 \times 2 \% = 4.000.000\text{đ}$

1.4.2. Thuế suất thuế GTGT

Nguyên tắc áp dụng thuế suất thuế GTGT là áp dụng thống nhất theo loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất gia công hay kinh doanh thương mại. Hiện hành các mức thuế suất thuế GTGT gồm có 0%, 5 % và 10 %. Việc quy định các mức thuế suất khác nhau thể hiện chính sách thuế điều tiết thu nhập và hướng dẫn tiêu dùng đối với hàng hóa, dịch vụ. Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ quy định cụ thể như sau:

- **Thuế suất 0%:** Mức thuế này áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng

quy định tại Điều 5 Luật thuế GTGT. Khi áp dụng mức thuế suất 0% có nghĩa là nhà nước đã tài trợ cho doanh nghiệp

- **Thuế suất 5%:** Mức thuế suất này được áp dụng với những hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần khuyến khích hay sản xuất còn đang gặp nhiều khó khăn

- **Thuế suất 10%:** Là mức thuế suất phổ biến được áp dụng với tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại mức thuế suất 0% và 5%. Đây là mức thuế suất tạo ra nguồn thu lớn cho NSNN

1.5. Các phương pháp tính thuế GTGT

Các tổ chức doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp là: phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp. Phương pháp này phải được đăng ký trước với cục thuế khi bắt đầu kinh doanh.

1.5.1. Phương pháp khấu trừ (phương pháp gián tiếp)

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT theo quy định. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và thu thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Khi lập hoá đơn bán hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán (trừ trường hợp được phép dùng chứng từ đặc thù), không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn, chứng từ.

Theo phương pháp này, ta có cách tính số Thuế GTGT phải nộp như sau:

Thuế GTGT phải nộp= Thuế GTGT đầu ra- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Trong đó:

- +)
Số thuế giá trị gia tăng đầu ra = Tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng.
- +)
Thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng = Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.

- +)
Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là đã có thuế GTGT thì thuế GTGT đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ (-) giá tính thuế quy định

- +)
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ= Tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng dùng để SXKD hàng hóa dịch vụ chịu thuế hay số thuế GTGT ghi trên chứng từ của hàng hóa nhập khẩu

1.5.2. Phương pháp trực tiếp

Phương pháp trực tiếp được áp dụng với những trường hợp sau đây:

- +)
Cơ sở kinh doanh và tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ
- +)
Hoạt động mua bán vàng, bạc, đá quý.
- +)
Cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định, xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ nhưng không có đầy đủ hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ đầu vào thì giá trị gia tăng được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu.

+) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chẽ độ kế toán hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thuế nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khoán thuế

Theo phương pháp trực tiếp, cách tính số Thuế GTGT phải nộp như sau:

Số Thuế GTGT phải nộp = Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

Trong đó:

+) Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ = Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY

2.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN.

2.1.1. Tên, địa chỉ

- ❖ Tên đầy đủ: Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty Việt Nam
- ❖ Tên giao dịch quốc tế: VietNam Rich Beauty Food Co. , Ltd
- ❖ Trụ sở: Khu Cảng Cá Tân Sơn, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình.
- ❖ Điện thoại : 0363. 712. 966 / Fax : 0363. 712. 965
- ❖ Mã số DN: DL 429
- ❖ Mã số thuế: 1000390802

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

- ❖ Bắt đầu đi vào sản xuất từ tháng 8/2007, hiện công ty TNHH thực phẩm Rich Beauty Việt Nam là đơn vị chế biến hải sản cao cấp 100% vốn

của Đài Loan. Xây dựng trên diện tích đất khoảng 25.000 m² cạnh cảng cá Tân Sơn, công ty có tổng vốn đầu tư 5 triệu USD, trong 2 năm 2006-2007 đã đầu tư 2,8 triệu USD và năm 2008 đầu tư là 2,2 triệu USD.

- ❖ Các sản phẩm chế biến chính của Rich Beauty Việt Nam là tôm và cá mực đông lạnh xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.
- ❖ Với các thiết bị máy móc hiện đại: kho lạnh, dàn máy cấp đông luân hồi nhập khẩu từ Đài Loan, Nhật Bản, quy trình khép kín... sản phẩm của công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm (HACCP) do bộ Thủy sản quy định.
- ❖ Theo tin từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thuỷ sản Việt Nam (VASEP) ngày 12/8/2009, Ủy ban Châu Âu đã chính thức chấp thuận Công ty TNHH Thực phẩm Rich Beauty Việt Nam được phép chế biến thuỷ sản xuất khẩu vào thị trường EU.

2.1.3. Ngành nghề kinh doanh và các sản phẩm chủ yếu

2.1.3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty Việt Nam hoạt động chủ yếu là chế biến hàng thực phẩm, hàng nông, lâm thủy sản xuất khẩu với quy mô: tôm các loại 2.600 tấn/năm, cá các loại 1000 tấn/năm, sản phẩm khác 500 tấn/năm. Trong đó ít nhất 80% sản phẩm của doanh nghiệp để xuất khẩu, số còn lại để tiêu thụ trong nước; công suất thực tế đạt 80% so với thiết kế nhà máy.

2.1.3.2 Các sản phẩm chủ yếu

Là một trong những công ty thủy sản lớn nhất miền bắc, công ty chuyên kinh doanh các sản phẩm thực phẩm, các mặt hàng nông, thủy hải sản xuất khẩu sang Nhật Bản, Mỹ và Australia như: tôm và cá mực đông lạnh ...

2.2. Chức năng nhiệm vụ hiện nay của công ty

2.2.1. Chức năng của công ty

❖ Tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm, các mặt hàng nông, thủy hải sản đông lạnh xuất khẩu sang các nước lớn trên thế giới.

❖ Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, cải thiện đời sống vật chất cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

❖ Phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế của cả nước nói chung và của tỉnh Thái Bình nói riêng, bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Tuân thủ các quy định của pháp luật, các chính sách của Nhà nước

2.2.2. Nhiệm vụ của công ty

❖ Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và uy tín của công ty trên thị trường.

❖ Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh để tìm ra những phương án nhằm nâng cao tính cạnh tranh cho công ty, đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt.

❖ Thực hiện tốt các chính sách, qui định; đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên của công ty.

2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật và Tình hình lao động của Công ty

2.3.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty

Biểu số 01: Tình hình trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật tại Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		So sánh 2011/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng(%)	Giá trị	Tỷ trọng(%)	Giá trị	Tỷ trọng(%)
I. Tài sản cố định hữu hình	50.537.088.096	100	54.039.979.899	100		

1. Nhà cửa, vật kiến trúc	12.572.205.458	24,88	13.199.538.921	24,42	627.243.463	0,14
2. Máy móc, thiết bị	36.777.580.590	72,77	39.653.228.930	73,4	2.875.648.340	0,63
3. Phương tiện vận tải	1.125.821.139	2,23	1.125.821.139	2,07	0	-0,16
4. Tài sản cố định khác	61.390.909	0,12	61.390.909	0,11	0	-0,01

Nhìn vào những con số phân tích trên ta thấy: Tổng giá trị máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng cao nhất, còn tài sản phương tiện vận tải và tài sản cố định khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cả hai năm. Cụ thể :

+ Năm 2010: Phương tiện vận tải chiếm 2,23%. và tài sản cố định khác chiếm 0,12%. Trong khi đó, máy móc thiết bị chiếm 72,77% và nhà cửa vật kiến trúc chiếm 24,88 % trong tổng số tài.

+ Năm 2011: Phương tiện vận tải và tài sản cố định khác có xu hướng giảm. Cụ thể: Phương tiện vận tải chiếm tỉ lệ 2,07% giảm 0,16% so với năm 2010; Tài sản cố định khác chiếm 0,11% giảm 0,01% so với năm 2010. Sự sụt giảm này được giải thích với lí do sang năm 2011, công ty không đầu tư thêm vào 2 khoản mục này trong khi tổng tài sản của công ty lại tăng vì công ty xây dựng thêm nhà cửa vật kiến trúc và mua thêm máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất làm cho máy móc thiết bị tăng và chiếm 73,4%, nhà cửa vật kiến trúc chiếm 24,42% .

2.3.2. Tình hình lao động của Công ty

Lao động là một trong những yếu tố đầu vào của sản xuất kinh doanh, song đây là yếu tố đặc biệt vì nó liên quan đến con người, là yếu tố quan trọng quyết định tới mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do vậy, việc phân tích lao động và tiền lương có ý nghĩa to lớn cả về mặt kinh tế và mặt xã hội.

Theo báo cáo tổng hợp chất lượng cán bộ công nhân lao động tháng 5/2011, công ty có 435 cán bộ, công nhân viên được tổng hợp về cơ cấu số lượng và chất lượng lao động trong bảng như sau:

Biểu số 02: Tình hình chung về lao động tại công ty TNHH Rich Beauty VN

Chỉ tiêu	Số người	Tỷ lệ (%)
a. Theo giới tính		
Nam	297	68,3
Nữ	138	31,7
b. Theo trình độ		
Thạc sỹ	3	0,69
Đại học	3	0,69
Cao đẳng	5	1,15
Trung cấp	7	1,61
Đào tạo nghề	58	13,33
Không có nghề	359	82,53
Tổng cộng	435	

(Nguồn phòng tổ chức hành chính)

Do đặc điểm ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp nên doanh nghiệp cần khá nhiều lao động và lực lượng lao động chủ yếu là những lao động phổ thông. Hiện nay, nhiều cán bộ công ty đang tiếp tục nâng cao trình độ phù hợp hơn với quy mô công ty và yêu cầu của công việc. Nhìn chung cơ cấu lao động của Công ty tương đối hợp lý, phù hợp với đặc điểm sản xuất của mình.

Người lao động trong Công ty làm việc 8h trong một ngày, tuần làm việc 6 ngày. Đối với lao động làm việc theo giờ hành chính làm việc từ 7h đến 11h30 buổi sáng và buổi chiều làm từ 1h30 đến 5h.

2.4. Cơ cấu hoạt động của công ty

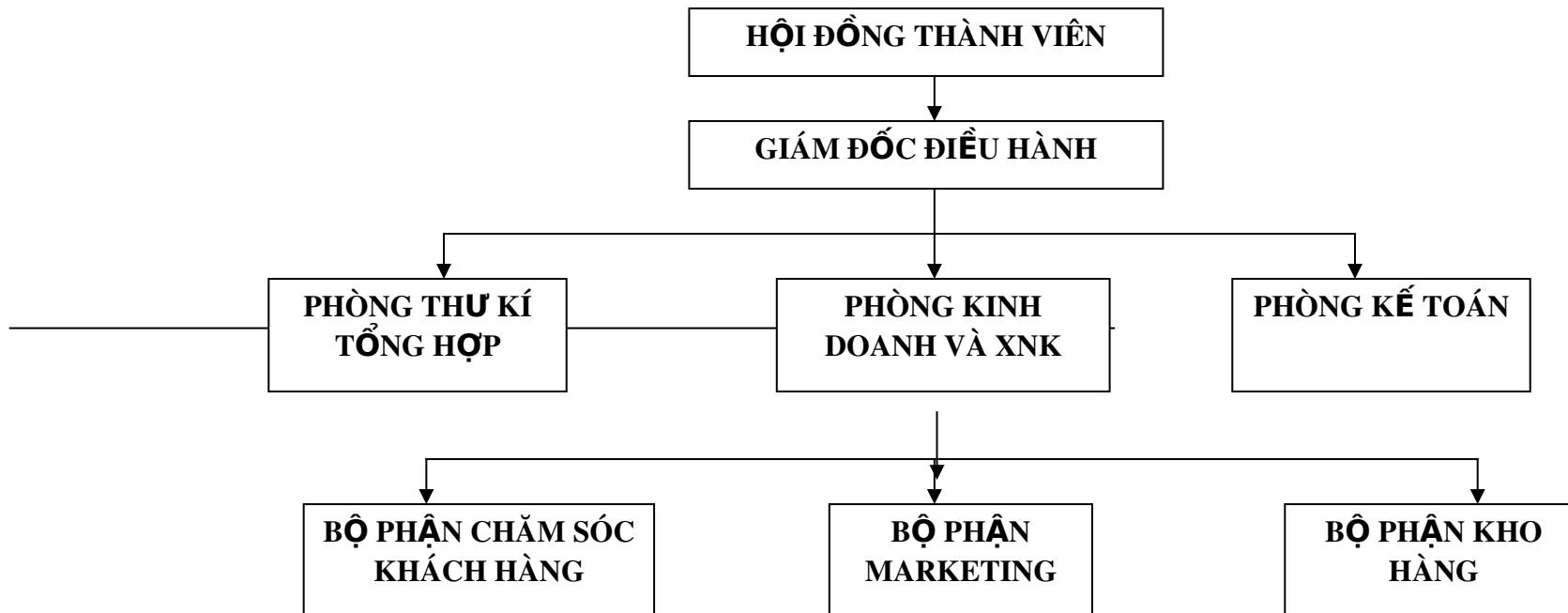
Cơ cấu có vai trò rất quan trọng trong quá trình quản lí và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Một doanh nghiệp có cơ cấu tổ chức bộ máy hợp lý, gọn nhẹ và khoa học, có quan hệ phân công cụ thể về quyền hạn và rõ ràng về trách nhiệm sẽ tạo nên một môi trường

thuận lợi cho quá trình làm việc của mỗi cá nhân nói riêng và tất cả các bộ phận nói chung.

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý trong công ty theo hình thức trực tuyến. Do đó đã phát huy được những ưu điểm, hạn chế những điểm khuyết điểm trong quản lý. Trong công ty luôn có sự thống nhất giữa các cấp, các phòng ban trong việc chỉ đạo, giám sát quá trình kinh doanh.

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 01: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty Việt Nam:



(Nguồn phòng tổ chức hành chính)

* Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban:

- **Hội đồng thành viên:** Là cơ quan quyết định cao nhất trong công ty .

Hội đồng thành viên có quyền và trách nhiệm như sau:

+ Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

+ Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động vốn hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

+ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ thông qua hợp đồng vay, cho vay bán tài sản giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỉ lệ khác theo điều lệ của công ty.

+ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kí và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại điều lệ công ty.

+ Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác với chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại điều lệ của công ty.

+ Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty

+ Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;

+ Quyết định tổ chức lại công ty;

+ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ công ty.

- **Giám đốc điều hành:** là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình

Giám đốc điều hành có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

+ Tổ chức thực hiện các quyết định của hội đồng thành viên

- + Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty
- + Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty
- + Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của hội đồng thành viên
- + Kí kết hợp đồng nhân danh công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch hội đồng thành viên
- + Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty
- + Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên hội đồng thành viên
- + Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc lỗ trong kinh doanh
- + Tuyên dụng lao động
- + Các quyền khác theo điều lệ của công ty

- **Phòng thư ký tổng hợp:** Chịu trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc điều hành và phụ trách các vấn đề nhân sự văn phòng ... của công ty

- **Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu:** Đây là một trong các bộ phận chủ đạo của công ty, chịu trách nhiệm trên các lĩnh vực kinh doanh, marketing tham mưu cho cấp trên trong vấn đề phân phối và tiêu thụ sản phẩm, cũng như việc tìm kiếm sản phẩm đầu vào...

- Phòng tài chính kế toán:

+ Chức năng: Tham mưu cho Ban giám đốc đồng thời quản lý, huy động và sử dụng các nguồn vốn của công ty sao cho đúng mục đích và hiệu quả cao nhất, hạch toán bằng tiền mọi hoạt động của công ty.

+ Nhiệm vụ: Tổ chức và thực hiện việc hạch toán kế toán trong công ty theo quy định của nhà nước và công ty. Đây là một bộ phận quan trọng trong công ty nắm giữ những vấn đề then chốt cần thiết phục vụ trong quá trình kinh doanh, sản xuất của công ty

Phòng có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tài chính, tổ chức huy động các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, theo dõi, giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế về mặt tài chính, chịu trách nhiệm đòi nợ thu hồi vốn v.v...

- Ngoài các phòng ban trên thì còn 3 bộ phận chịu sự quản lý của phòng kinh doanh và phòng xuất khẩu đảm nhiệm những nhiệm vụ về marketing và bảo quản hàng hoá.

2.5 Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính của Công ty trong hai năm gần đây

Để phân tích tình hình tài chính của Công ty ta so sánh các số liệu, chỉ tiêu tổng thể trên “Bảng cân đối kế toán” và “ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh” của Công ty TNHH thực phẩm Rich Beauty Việt Nam:

Biểu số 3: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
Tài sản		47.842.803.932	23.970.477.109
A. Tài sản ngắn hạn	100	47.842.803.932	23.970.477.109
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.637.406.893	1.461.982.538
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	130	18.249.783.765	8.708.359.832
IV. Hàng tồn kho	140	24.408.087.254	13.101.371.364
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.547.526.019	788.763.375
B. Tài sản dài hạn	200	82.962.202.020	44.584.464.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	0	0
II. Tài sản cố định	220	80.225.891.126	44.209.208.368
III. Bất động sản đầu tư	240	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260	2.736.310.894	375.256.418
Tổng cộng tài sản	270	130.805.005.953	68.554.941.895
Nguồn vốn		94.900.899.368	33.178.541.138
. Nợ phải trả	300	94.900.899.368	33.178.541.138
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310	76.255.028.100	33.178.541.138
II. Nợ dài hạn	330	18.645.871.268	0
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	35.904.106.584	35.376.400.757
I. Vốn chủ sở hữu	410	35.904.106.584	35.376.400.757
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
Tổng nguồn vốn	440	130.805.005.953	68.554.941.895

(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)

Biểu số 4: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			174.756.413.65	125.714.395.757
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		174.756.413.65 1	125.714.395.757
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	162.044.766.31 3	117.059.466.672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.711.647.338	8.654.929.085
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.154.139.952	4.686.290.147
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6.291.057.387	5.156.006.340
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		4.053.497.421	2.027.311.472
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.987.138.595	7.798.707.818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		534.093.886	386.505.074
11. Thu nhập khác	31		67.803.304	73.169.090
12. Chi phí khác	32		74.191.363	101.212.737
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.388.059)	(28.043.683)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		527.705.827	358.461.391
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51)	60		527.705.827	358.461.391
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính kế toán)

Qua hai bảng số liệu trên ta có thể đưa ra một số chỉ tiêu sau để phân tích:
Biểu số 05: Một số chỉ tiêu phân tích

Năm	Năm 2010 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)	Tỷ Trợng (%)
Tổng tài sản	68.554.941.895	130.805.005.953	90.8
Tổng nguồn vốn	68.554.941.895	130.805.005.953	90.8
Doanh thu	125.714.395.757	174.756.413.651	39
Giá vốn	117.059.466.672	162.044.766.313	38.4
LN sau thuế	358.461.391	527.705.827	47.2

* **Nhận xét:**

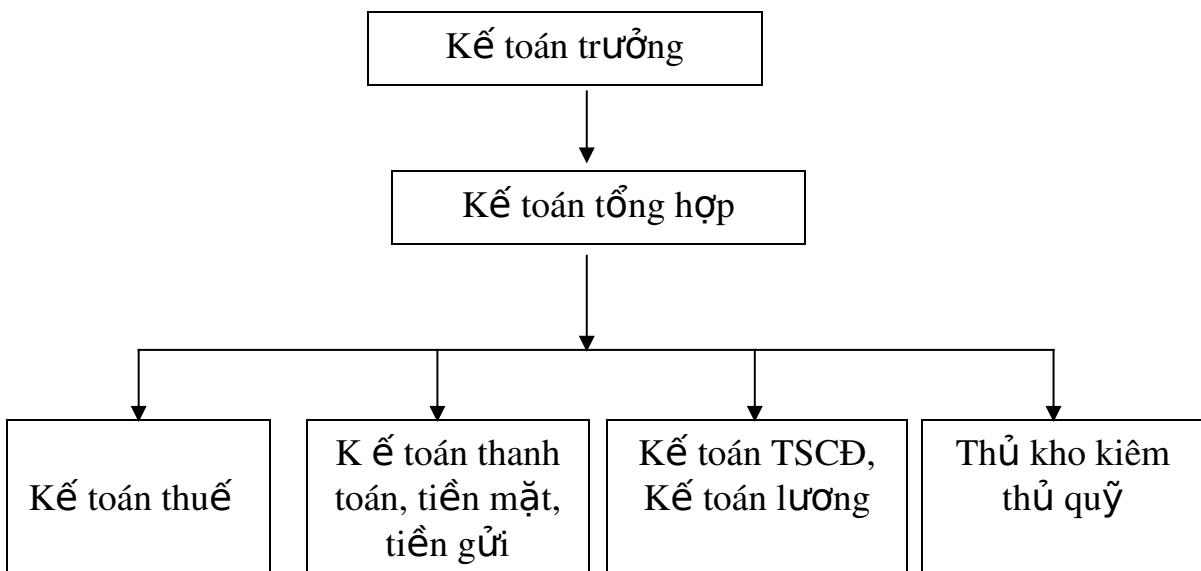
- Tài sản của công ty trong năm 2011 tăng 90.8% so với năm 2010. Đây là điều dễ hiểu vì DN mới thành lập cần đầu tư nhiều vào máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất, giảm giá thành sản phẩm để nâng cao lợi nhuận cho công ty. Hơn thế nữa, đây là DN sản xuất kinh doanh sản phẩm đông lạnh để xuất khẩu nên chỉ có máy móc thiết bị hiện đại mới có thể đáp ứng nhu cầu sản xuất
- Doanh nghiệp đã thực hiện được mục tiêu chính mà tất cả các DN khi sản xuất kinh doanh đều hướng tới. Đó là đạt được lợi nhuận. Hơn thế, DN còn đạt được quy luật tốc độ tăng của doanh thu luôn luôn lớn hơn tốc độ tăng của chi phí
- Nhìn vào bảng số liệu trên ta có thể thấy, giá vốn hàng bán của công ty trong năm 2011 tăng so với năm 2010 là 38.4% trong khi doanh thu của năm 2011 tăng so với doanh thu của năm 2010 là 39%, giá của NVL đầu vào lại tăng do sự biến động giá cả của thế giới. Điều này cho thấy một nỗ lực rất lớn trong việc quản lý sản xuất và công nghệ để hạ thấp giá thành, nâng cao lợi nhuận cho DN

- Lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng 47.2% so với năm 2010. Đây là một kết quả rất đáng tự hào của công ty trong điều kiện kinh tế thế giới toàn cầu đang ngày càng trở nên khó khăn.

2.6. Khái quát về công tác kế toán thuế tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty

2.6.1 Cơ cấu bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán được tổ chức theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 02: Cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

*** Tổ chức hoạt động của phòng tài chính kế toán**

❖ Kế toán trưởng:

+ Phụ trách chung toàn bộ công tác kế toán của toàn Công ty, chịu trách nhiệm trước cơ quan Giám đốc và cơ quan cấp trên về toàn bộ công tác hạch toán kinh doanh của Công ty.

❖ Kế toán tổng hợp:

+ Có nhiệm vụ tổng hợp số liệu của các kế toán phân hành. Xử lý số liệu và tập hợp chi phí, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm. Trên cơ sở số liệu ghi chép, tổng hợp từng phân hành của kế toán viên, kế toán

tổng hợp có nhiệm vụ kiểm tra, ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty.

❖ *Kế toán thuế:*

+) Theo dõi các khoản thuế phải nộp, quyết toán các báo cáo thuế với cục thuế tỉnh Thái Bình.

❖ *Kế toán thanh toán, tiền mặt, tiền gửi:*

+) Quản lý các khoản thu, chi, kiểm soát hoạt động thanh toán.

❖ *Kế toán TSCĐ tiền lương BHXH :*

+) Theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ của Công ty và trích khấu hao phù hợp với hiện trạng thực tế. Đồng thời, theo dõi quản lý các khoản thanh toán có tính chất thu nhập của người lao động

❖ *Thủ quỹ kiểm thủ kho:*

+) Quản lý tiền mặt của công ty, kiểm tra tính chặt chẽ các chứng từ trước khi chi tiền, kiểm kê quỹ tiền mặt hàng ngày, quản lý kho vật tư nguyên liệu của công ty

2.6.2 Công tác tổ chức kế toán tại công ty

❖ *Tổ chức công tác kế toán:*

+) Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty theo hình thức kế toán tập trung. Theo hình thức này bộ máy kế toán bao gồm 1 phòng kế toán trung tâm thực hiện toàn bộ công việc kế toán.

❖ *Nội dung của tổ chức công tác kế toán trong công ty:*

+) Hệ thống tài khoản và chứng từ của Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty thực hiện theo quyết định 15/2006/QĐ/QĐ-BTC

+) Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty hạch toán theo hình thức Nhật ký chung (NKC)

+) Công ty áp dụng các chế độ kế toán như sau:

Nhiên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Tính giá xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh với nguyên vật liệu; Giá xuất kho thành phẩm theo giá kế hoạch; cuối kỳ tính giá thực tế nhập kho, chênh lệch được điều chỉnh bổ sung.

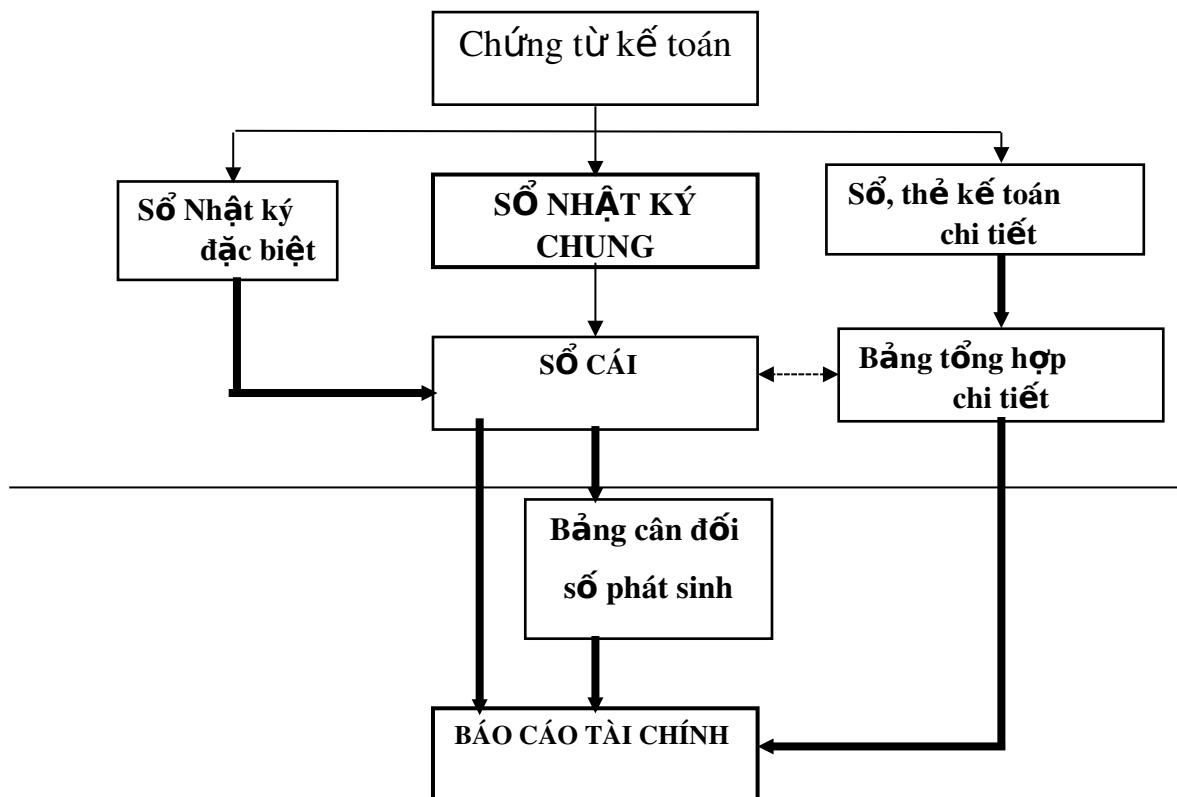
Kế toán khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng

Đơn vị tính: Công ty sử dụng đơn vị tính là đồng Việt Nam trong ghi chép kế toán

❖ **Sổ sách kế toán:**

+) Kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung và Kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 03: Trình tự chi sổ theo hình thức Nhật kí chung



Ghi chú:

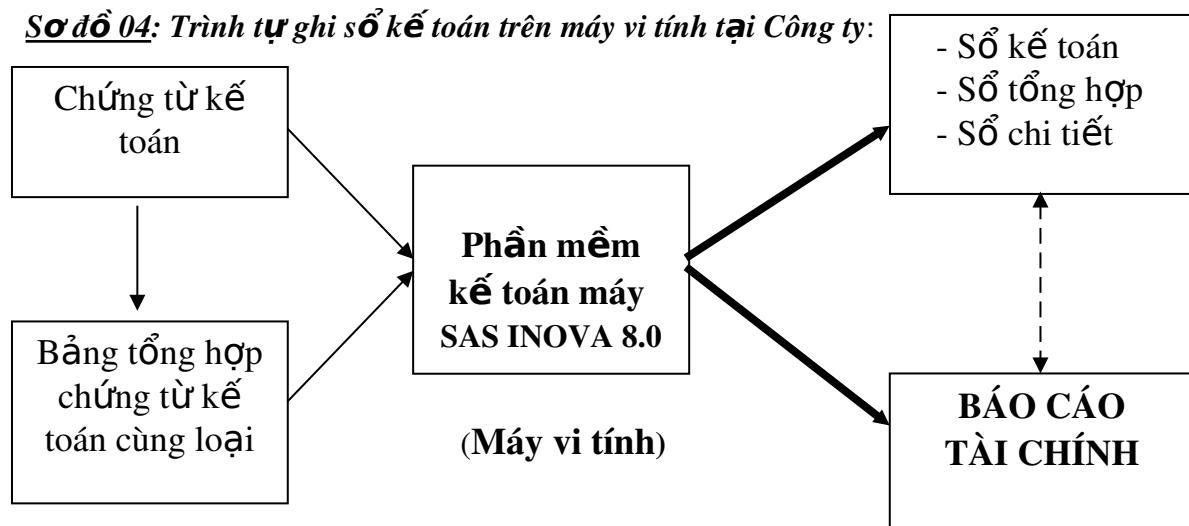
Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ →

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←→

- Kế toán máy vi tính theo hình thức sổ kế toán Nhật kí chung trên chương trình phần mềm kế toán: **SAS INOVA 8.0**

Sơ đồ 04: Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính tại Công ty:



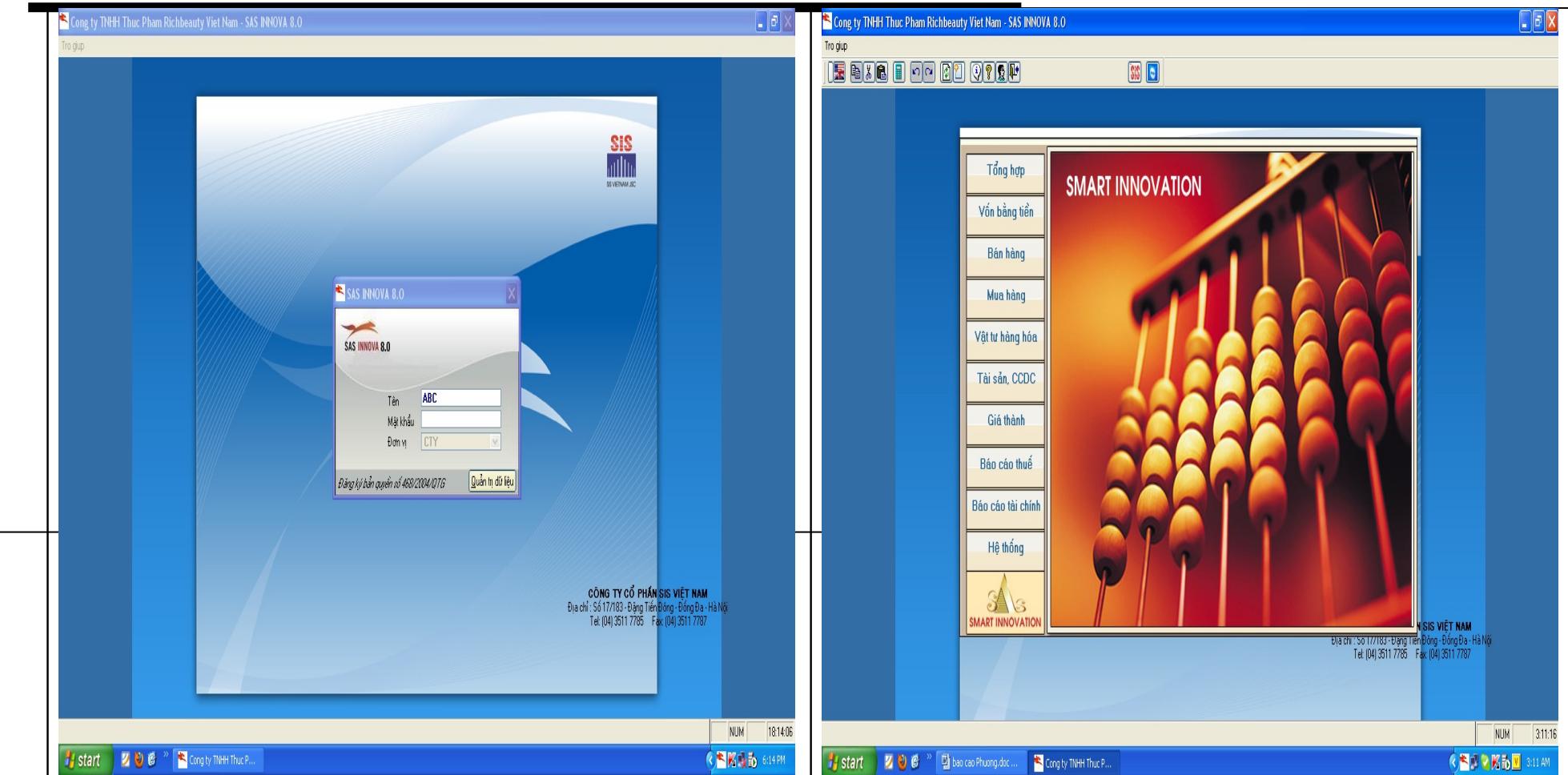
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ↔ Kiểm tra đối chiếu

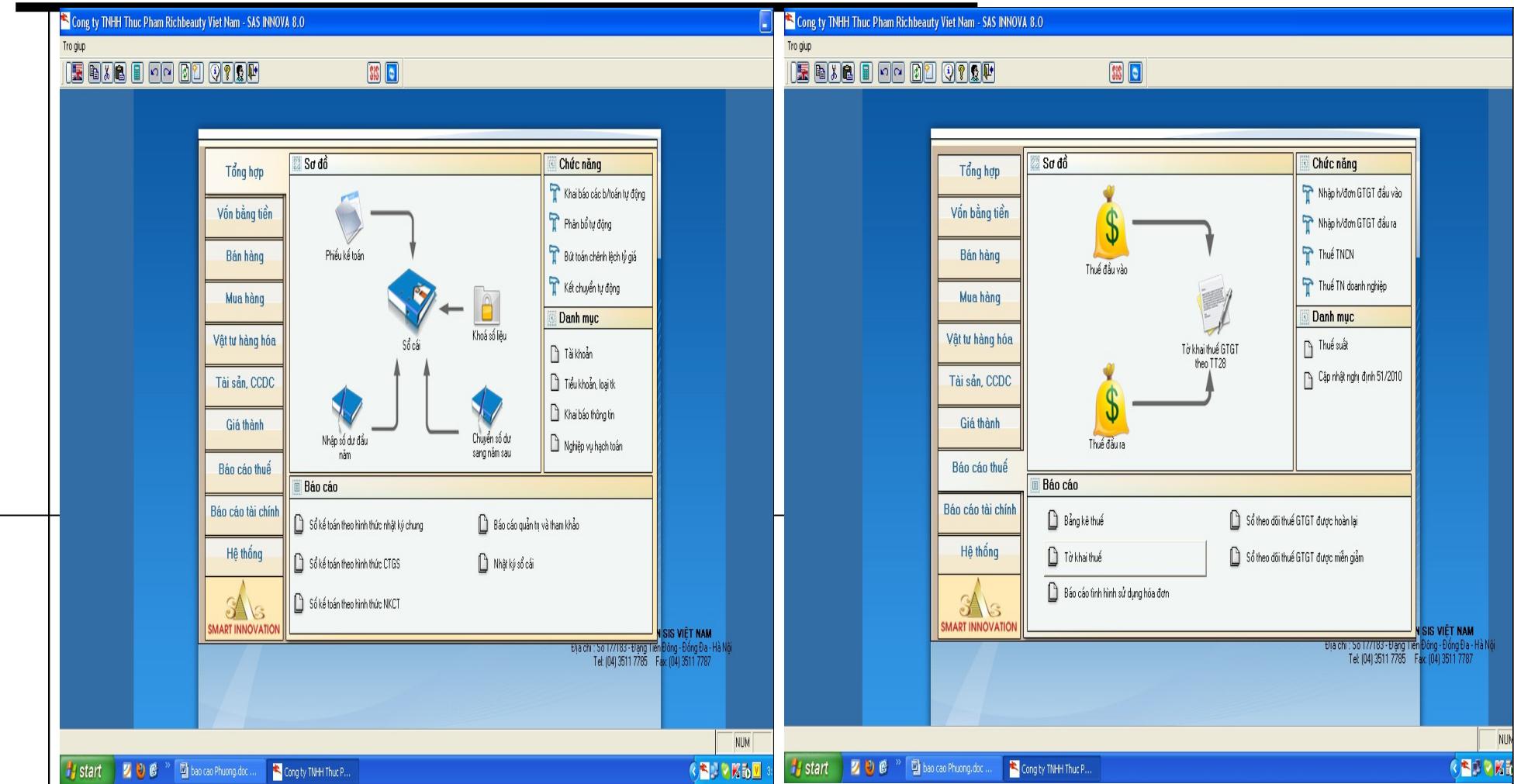


Giao diện phần mềm được thể hiện dưới hình sau đây:

Hình ảnh giao diện phần mềm kế toán SAS INOVA 8.0

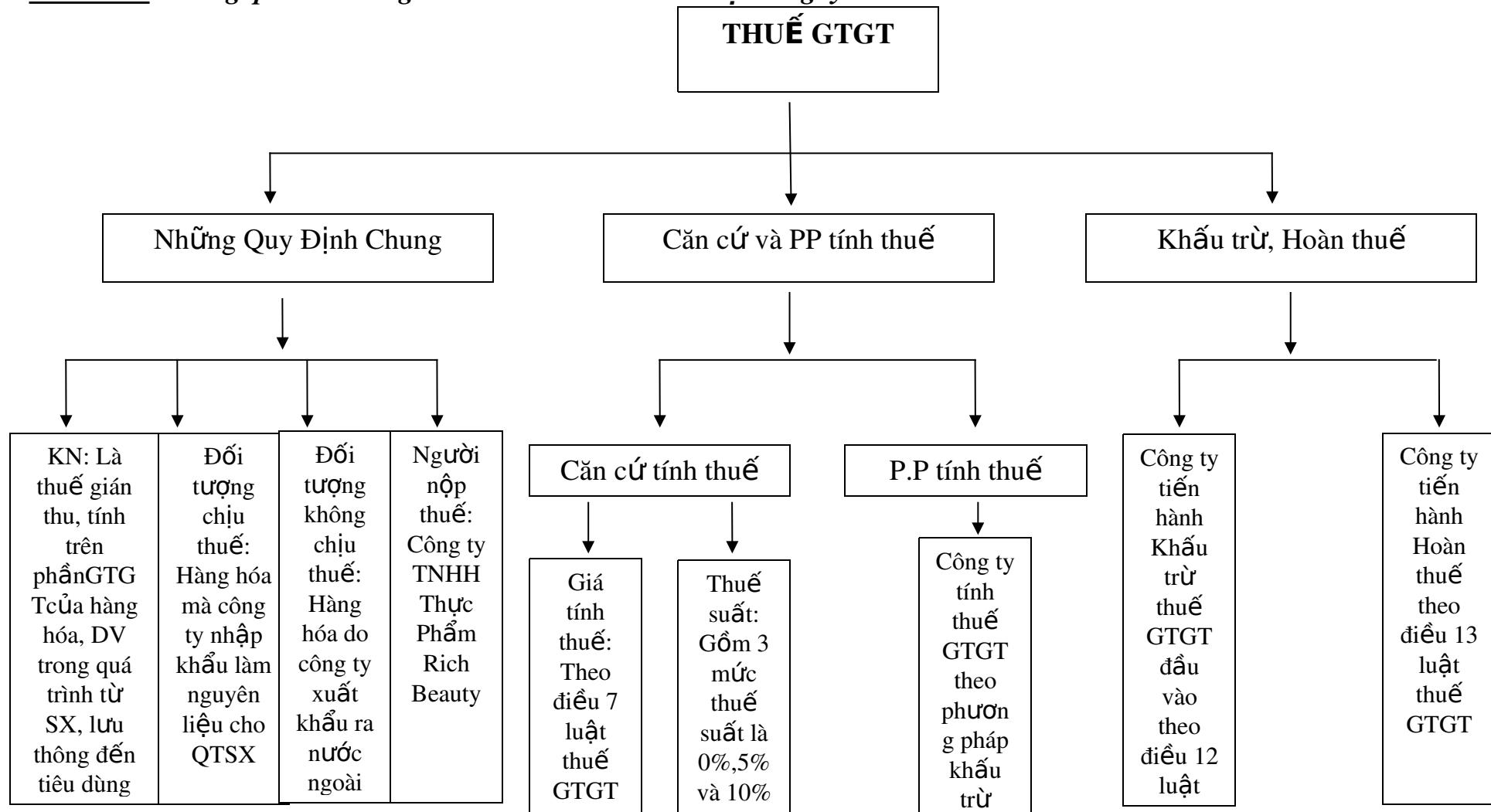


Giao diện của phần hành Tổng hợp và Báo cáo thuế:



2.7. Thực tế công tác kế toán thuế GTGT tại công ty

Sơ đồ 05: Tổng quan về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty



(Nguồn: Căn cứ theo Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12)

- ❖ Trong những năm qua công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ của mình với cơ quan thuế cụ thể như sau:
 - + Đăng ký và sử dụng mã số thuế 1000390802 theo quy định của pháp luật.
 - + Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ, nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn.
 - + Nộp tiền thuế đúng hạn, đầy đủ bằng tiền mặt, hoặc bằng chuyển khoản vào kho bạc nhà nước Tỉnh Thái Bình thông qua tài khoản tại ngân hàng
 - + Cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, số hiệu và nội dung giao dịch của tài khoản mở tại ngân hàng, giải trình việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế.

TK 10201000462167 – Ngân hàng Viettin Bank

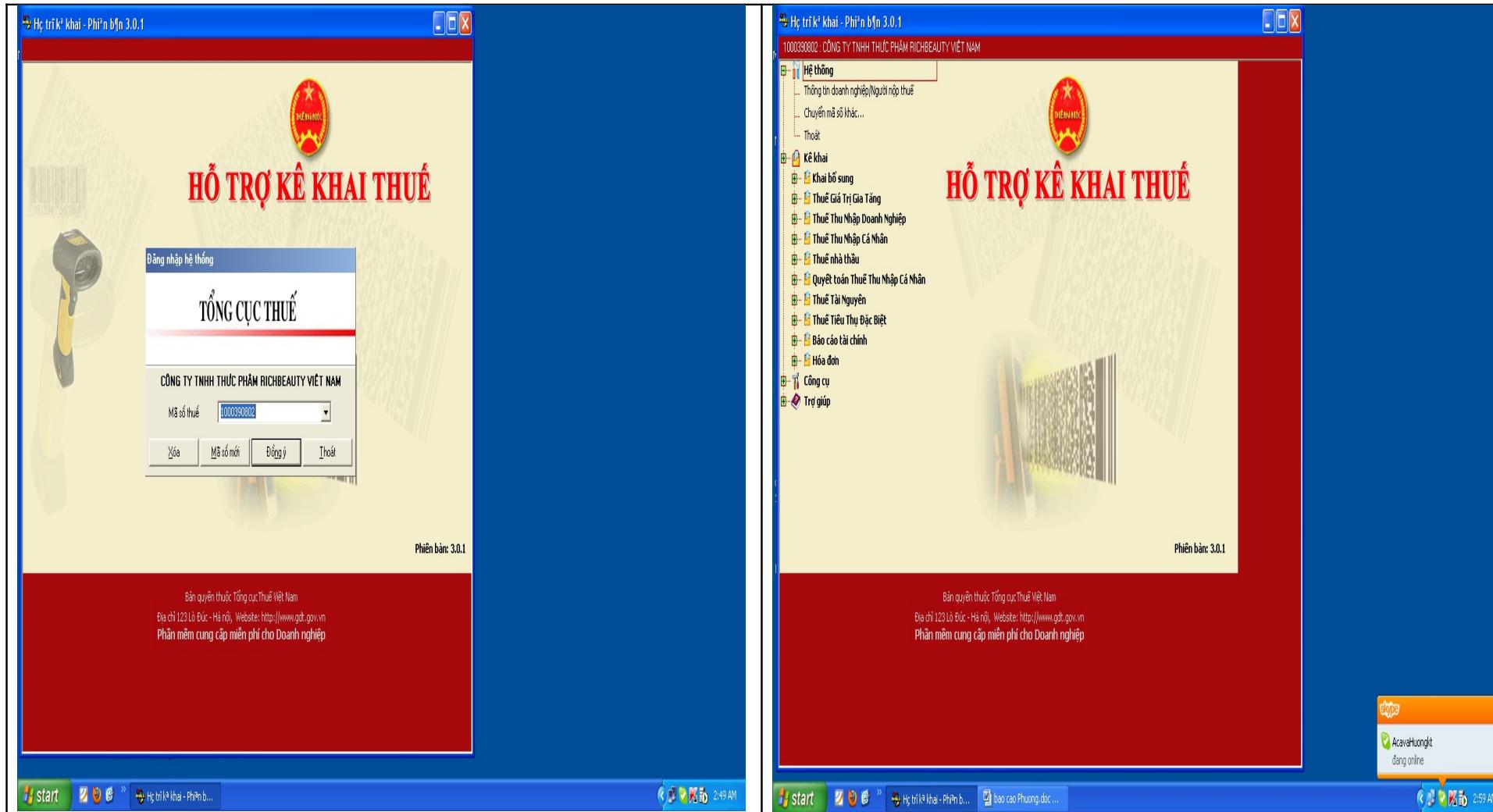
TK 997170003710 – Ngân hàng Taipei Fubon

TK 910230009678 - Ngân hàng Hua Nan Commercial

- + Chấp hành chế độ kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng hóa đơn chứng từ theo quy định của pháp luật.
- + Ghi chép chính xác, trung thực, đầy đủ những hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế.
- + Chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.
- + Gửi báo cáo thuế đến các cơ quan quản lý thuế: Cục thuế Thái Bình.
- + Thực hiện kê khai nộp thuế trên Ứng dụng HTKK phiên bản 3.0.1 do Tổng cục thuế Việt Nam cung cấp miễn phí. Ứng dụng này đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ khai thuế Thu nhập cá nhân theo Thông tư 113/2011/TT-BTC ngày 04/08/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009, Thông tư số 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 và Thông tư số 12/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 và Công văn số 10790/BTC-CST ngày 12/8/2011 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội. Giao diện của Ứng dụng HTKK phiên bản 3.0.1 được thể hiện

dưới hình sau:

Hình dưới đây thể hiện giao diện của phần mềm Hỗ Trợ Kế Khai Thuế:



Giao diện hình ảnh thông tin về DN được thể hiện dưới hình sau:

Mã số thuế: 1 0 0 0 0 3 9 0 8 0 2 -

Người nộp thuế: * CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICHBEAUTY VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở: * Khu Công Cấp Tân Sơn

Quận/ huyện: * Thái Thụy

Tỉnh/ Thành phố: * Thái Bình

Điện thoại:

Fax:

Email:

Ngành nghề kinh doanh:

Số TK ngân hàng:

Ngày bắt đầu năm tài chính (dd/mm): * 01/01

Người ký tờ khai:

Cơ quan thuế cấp Cục: * TB1 - Cục Thuế Tỉnh Thái Bình 11500

Cơ quan thuế quản lý: * Cục Thuế Tỉnh Thái Bình 11500

Tên đơn vị chủ quản:

Mã số thuế đơn vị chủ quản:

Thông tin đại lý:

Mã số thuế đại lý: *

Tên đại lý thuế: *

Địa chỉ trụ sở: *

Quận/ huyện: *

Ký hiệu * là bắt buộc nhập.

Bên cạnh đó, phần mềm còn hỗ trợ việc tra cứu tờ khai và nhiều chức năng khác:

Chọn loại tờ khai: Tất cả Chọn kỳ kê khai: Từ năm: 2012 Đến năm: 2012

STT	Loại tờ khai	Kỳ kê khai	Thuế khấu trừ	Thuế
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
18				
19				
20				
21				
22				
23				
24				
25				
26				
27				
28				
29				
30				
31				
32				
33				
34				
35				
36				
37				
38				
39				
40				
41				
42				
43				
44				
45				
46				
47				
48				
49				
50				
51				
52				
53				
54				
55				
56				
57				
58				
59				
60				
61				
62				
63				
64				
65				
66				
67				
68				
69				
70				
71				
72				
73				
74				
75				
76				
77				
78				
79				
80				
81				
82				
83				
84				
85				
86				
87				
88				
89				
90				
91				
92				
93				
94				
95				
96				
97				
98				
99				
100				
101				
102				
103				
104				
105				
106				
107				
108				
109				
110				
111				
112				
113				
114				
115				
116				
117				
118				
119				
120				
121				
122				
123				
124				
125				
126				
127				
128				
129				
130				
131				
132				
133				
134				
135				
136				
137				
138				
139				
140				
141				
142				
143				
144				
145				
146				
147				
148				
149				
150				
151				
152				
153				
154				
155				
156				
157				
158				
159				
160				
161				
162				
163				
164				
165				
166				
167				
168				
169				
170				
171				
172				
173				
174				
175				
176				
177				
178				
179				
180				
181				
182				
183				
184				
185				
186				
187				
188				
189				
190				
191				
192				
193				
194				
195				
196				
197				
198				
199				
200				
201				
202				
203				
204				
205				
206				
207				
208				
209				
210				
211				
212				
213				
214				
215				
216				
217				
218				
219				
220				
221				
222				
223				
224				
225				
226				
227				
228				
229				
230				
231				
232				
233				
234				
235				
236				
237				
238				
239				
240				
241				
242				
243				
244				
245				
246				
247				
248				
249				
250				
251				
252				
253				
254				
255				
256				
257				
258				
259				
260				
261				
262				
263				
264				
265				
266				
267				
268				
269				
270				
271				
272				
273				
274				
275				
276				
277				
278				
279				
280				
281				
282				
283				
284				
285				
286				
287				
288				
289				
290				
291				
292				
293				
294				
295				
296				
297				
298				
299				
300				
301				
302				
303				
304				
305				
306				
307				
308				
309				
310				
311				
312				
313				
314				
315				
316				
317				
318				
319				
320				
321				
322				
323				
324				
325				
326				
327				
328				
329				
330				
331				
332				
333				
334				
335				
336				
337				
338				
339				
340				
341				
342				
343				
344				
345				
346				
347				
348				
349				
350				
351				
352				
353				
354				
355				
356				
357				
358				
359				
360				
361				
362				
363				
364				
365				
366				
367				
368				
369				
370				
371				

2.7.1. Thực tế kế toán Thuế GTGT đầu vào của công ty

2.7.1.1. Luật thuế và thông tư về thuế GTGT mà công ty đang áp dụng

Công ty đang thực hiện luật thuế GTGT theo:

+) Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008

+) Thông tư số 129 /2008/TT- BTC hướng dẫn thi hành về thuế GTGT

Công ty đang thực hiện các quy định trong luật thuế GTGT và thông tư hướng dẫn như sau:

- Giá tính thuế trong Công ty là giá bán chưa có thuế GTGT được ghi trên hóa đơn bán hàng của người bán hàng, người cung cấp dịch vụ hoặc giá chưa có thuế GTGT được ghi trên chứng từ của hàng hóa nhập khẩu.

- Thuế suất thuế GTGT trong Công ty được áp dụng thống nhất theo các quy định hiện hành bao gồm các mức thuế suất 0%, 5% và 10% cụ thể như sau:

Đầu vào	Thuế suất	Đầu ra	Thuế suất
Túi PE các loại	10%	Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	0%
Khay Tôm Susi	10%	Tôm SuSi đông lạnh	0%
Phí chứng từ	5%	Tôm tẩm bột các loại	0%
.....		

- Phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ thuế. Cụ thể như sau:

+ Cách tính thuế GTGT phải nộp:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{Thuế GTGT đầu ra} - \text{Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$

Trong đó:

Thuế GTGT đầu ra bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân với thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó.

Nếu giá hàng hóa, vật tư, dịch vụ là giá mua vào đã có thuế GTGT thì giá chưa có thuế GTGT được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán (tiền bán vé, bán tem..)}}{1 + (\%) \text{ thuế suất của hàng hóa, dịch vụ đó}}$$

2.7.1.2. Kết cấu tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng:

+) TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ: Phản ánh số thuế GTGT đầu vào
được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ của doanh nghiệp.

TK 133 có 1 tài khoản cấp 2:

+.) TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ

❖ Kết cấu tài khoản thuế GTGT đầu vào TK 1331:

TK 1331

<p>- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ; - Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ; - Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại, được giảm giá; - Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại
<p>khấu</p>	<p>- Số thuế GTGT đầu vào còn được đầu vào được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả</p>

❖ *Chứng từ sử dụng:*

+) Phiếu chi

+) Giấy báo nợ, giấy báo có

+)⁺⁾ Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKT - 3LL)

- +) Tờ khai thuế GTGT (Mẫu 01/GTGT)
- +) Bảng tổng hợp thuế GTGT theo bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh (Mẫu 01- 3GTGT)
- +) Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh (Mẫu 01/KHBS)
- +) Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào (Mẫu số 01- 1/GTGT, Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của BTC) và đến tháng 8/2011 đã được thay thế bằng Thông tư 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011
- +) Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra (Mẫu số 01- 2/GTGT, Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của BTC) và đến tháng 8/2011 đã được thay thế bằng Thông tư 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011

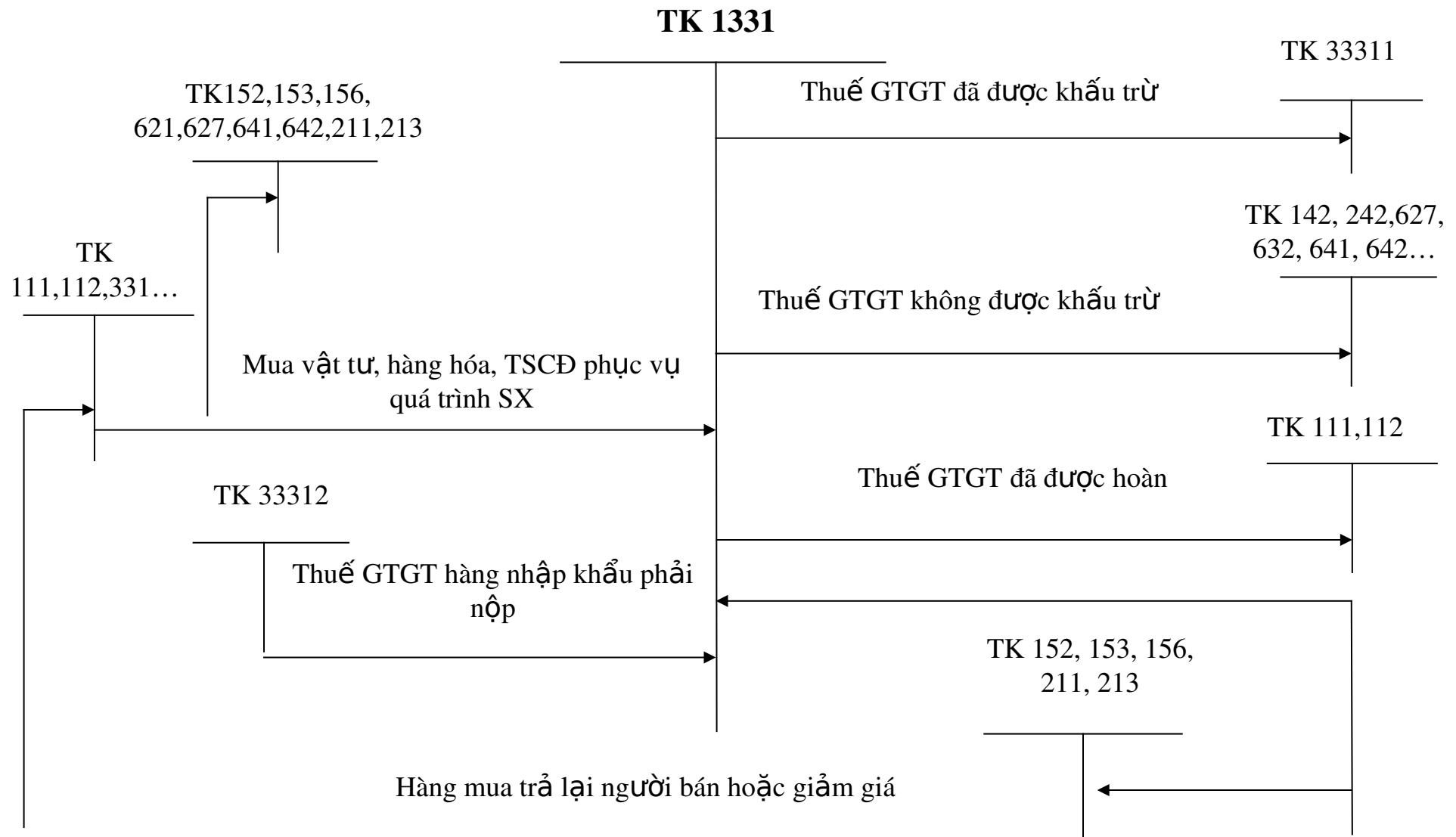
❖ **Quy trình hạch toán:**

- +) Từ các chứng từ gốc phát sinh liên quan đến nghĩa vụ thuế (hóa đơn GTGT, giấy nộp tiền vào NSNN), kế toán viên nhập dữ liệu vào sổ nhật ký chung trong máy tính.
- +) Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ chi tiết như: Sổ cái, Bảng kê hóa đơn, Chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào; bán ra và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Sau đó, kế toán tiến hành in các phiếu có liên quan như: Phiếu kế toán, phiếu chi...
- +) Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo, kế toán sẽ phải hoàn thành việc lập tờ khai thuế GTGT tháng của tháng trước đó thành 2 bản, trong đó 1 bản để tại đơn vị và 1 bản nộp lên cục thuế để đóng dấu. Số liệu trong sổ 1331 phải khớp đúng với sổ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào trên tờ khai
- +) Tiếp đó, kế toán sẽ tiến hành kết chuyển giữa thuế GTGT đầu vào và đầu ra. Từ đó, kế toán sẽ xác định được doanh nghiệp mình còn phải nộp bao

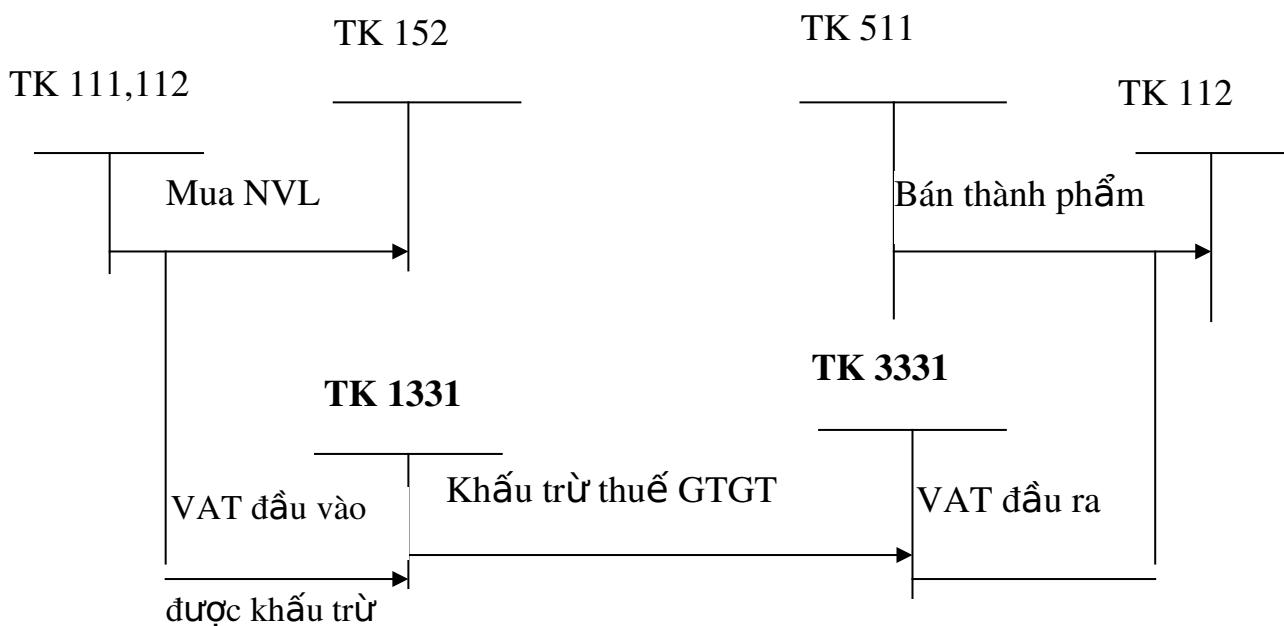
nhiêu tiền thuế (bằng số dư ở tài khoản 333) hay sẽ được chuyển sang kì sau để khấu trừ bao nhiêu (bằng số dư ở tài khoản 133)

+) Nếu số dư ở tài khoản 133 sau khi kết chuyển ≥ 200 triệu đồng, công ty có thể lập giấy đề nghị hoàn để được hoàn trực tiếp.

❖ Phương pháp hạch toán thuế GTGT đầu vào TK 1331 :



❖ **Sơ đồ khấu trừ thuế GTGT:**



❖ **Sổ sách sử dụng:**

Công ty sử dụng các loại sổ sách theo quy định của hình thức Nhật ký chung, cụ thể có các loại sổ sau:

- Sổ cái tài khoản 133
- Sổ chi tiết tài khoản 1331
- Sổ nhật ký chung (trích).

❖ **Một số chứng từ thực tế trong quy trình kế toán thuế GTGT đầu vào của Doanh nghiệp:**

+) Hàng tháng, xuất phát từ HĐGTGT đầu vào và Giấy nộp tiền vào NSNN kế toán chọn các cửa nhập tương ứng trong phần mềm để nhập số liệu tương ứng trong nghiệp vụ vào 2 phần là Hạch toán và HĐ thuế- là các số liệu liên quan đến thuế GTGT đầu vào được sử dụng để sau này làm Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào đính kèm với Tờ khai thuế GTGT. Sau khi nhập toàn bộ số liệu trong hóa đơn mua vào và bán ra, ta sẽ có Sổ nhật ký chung và Sổ cái các tài khoản tương ứng. Song song với quá trình này, ta tiến hành lập Tờ khai thuế GTGT và các Bảng kê để nộp lên Cục

thuế Tỉnh. Số liệu trên tờ khai và số dư trên sổ chi tiết luôn luôn phải khớp với nhau. Quy trình diễn ra cụ thể như sau:

Mẫu số: 01GTKT2/001

Ký hiệu: HK/11T

Số: 0390625

HOÁ ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)

(Liên 2: Giao khách hàng)

Kỳ: 1 Từ ngày 25/11 Đến ngày 10/12

Công ty Điện lực Thái Bình

Địa chỉ: Số 228 đường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình

Điện thoại: 2216211 MST: 0100100417-011 ĐT sửa chữa: 2216213

Tên khách hàng: CT TNHH Thực Phẩm Rich Beauty Việt Nam

Địa chỉ: Khu Cảng Ca Tân Sơn- Thái Thụy- Thái Bình

Điện thoại: MST: 1000390802 Số công tơ: 833880451

Bộ CS	Chỉ số' mới	Chỉ số' cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá'	Thành tiền
Ngày 14/12/2011						
Bên bán điện:			Công	139.040		18.317.776
Phạm Văn Hạnh			Thuê suất thuế GTGT: 10%			1.831.778
			Thuế GTGT			
			Tổng cộng tiền thanh toán			201.495.536
Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng.						

* Hóa đơn này đã được thanh toán qua ngân hàng, ta chọn cửa nhập là “Chi qua ngân hàng” trong mục “Vốn bằng tiền”. Sau khi nhập đủ số liệu theo

yêu cầu của phần mềm trong 2 phần “Hạch toán” và “HĐ thuế” ta sẽ được giao diện của phần mềm như sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số: 01GKKT3/001
 Ký hiệu: AA/11P
 Số : 001078

Liên 2: Giao cho người mua(Copy 2: Customer)

Ngày(date) 05 tháng(month) 12 năm(year) 2011

Đơn vị bán hàng(Issued): CÔNG TY TNHH VINA FOODS KYOEI

Mã số thuế: 0303478451

Điện thoại: (84.8)5425 5043 / Fax:(84.8) 542 5042

Số tài khoản: 10010001(VND) – 10010001(USD) tại ngân hàng Sumitomo
 MitsuiBanking Corporation –CN TP.HCM

Lầu 9/Số 5B Tôn Đức Thắng/ Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VN

Mã số thuế: 1000390802

Địa chỉ: Khu Cảng Cá Tân Sơn – Thủ Đức – Thành Phố Hồ Chí Minh

Hình thức thanh toán: CK /Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Bột xù màu khói	Kg	8.000	1,46	11.680
Tỷ giá: 21,005		Cộng tiền hàng : 11.680			
245.338.400		Cộng tiền hàng :			
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT : 24.533.840			
269.872.240		Tổng cộng tiền thanh toán:			
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi đồng chẵn					

*Người mua hàng
(Kí rõ họ, tên)*

*Người bán hàng
(Kí rõ họ, tên)*

*Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ,
tên)*

* Hóa đơn này chưa thanh toán, ta chọn cửa nhập là “Phiếu kế toán” trong mục tổng hợp để nhập số liệu vào 2 phần “Hạch toán” và “HĐ thuế”. Khi nhập xong, ta được giao diện tương ứng sau:

Hóa đơn giấy Sơn Nam:

Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN
Khu Cảng ca Tân Sơn- Thủ Đức- TP.HCM

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

(Trích)

Tháng 12/2011

Mẫu số: S03a- DN

(Ban hành theo quyết định 15
ngày 20/3 của Bộ tài chính)

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	Đa ghi Số caí	STT dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số	Ngày, tháng					Nợ	Co'
A	B	C	D	E	G	H	I	J
...
02/12/2011	021393	02/12/2011	Dịch vụ vận chuyển mặt đất			64277	1,337,064	
			VAT-Dịch vụ vận chuyển mặt đất			1331	133,706	
			Dịch vụ vận chuyển mặt đất			1111		1,470,770
02/12/2011	000007	02/12/2011	Mua hệ thống điện, điều hòa			6423	66,467,000	
			VAT- Mua hệ thống điện, điều hòa			1331	6,646,700	
			Mua hệ thống điện, điều hòa			331		73,113,700
05/12/2011	001265	05/12/2011	Thanh toán tiền đường			6272	19,714,286	
			Thanh toán tiền đường			11211		19,714,286
			Phí chuyển trả tiền đường			64284	20,000	
			Phí chuyển trả tiền đường			11211		20,000
05/12/2011	001078	05/12/2011	Mua bột xù mỳ khối nhập kho			152	245,338,400	
			VAT- Mua bột xù mỳ khối nhập kho			1331	24,533,840	
			Mua bột xù mỳ khối nhập kho			331		269,872,240
...
14/12/11	0390625	14/12/11	Tiền điện tháng 12/11			11213		201.495.536
			Tiền điện tháng 12/11			6427	183.177.760	
			VAT- Tiền điện tháng 12/11			1331	18.371.766	
...

22/12/2011	000042	22/12/2011	Mua các loại bản mẫu in 1m, 2m			6422	4,725,000	
			VAT- Mua các loại bản mẫu in			1331	472,500	5,197,500
			Mua các loại bản mẫu in 1m, 2m			1111		
...
26/12/11	003086	26/12/11	Thanh toán tiền nước sạch			331	59,656	
			Thanh toán tiền nước sạch			11213		59,656
			Phí thanh toán tiền nước sạch			64284	5,966	
			Phí thanh toán tiền nước sạch			11213		5,966
26/12/11	009186	26/12/11	Thanh toán cước vận tải biển tháng 12/11			331	147,228,280	
			Thanh toán cước vận tải biển tháng 12/11			11213		147,228,280
29/12/11	000912	29/12/11	Nhận tiền hoàn thuế			11211	1.391.478.434	
			Nhận tiền hoàn thuế			1331		1.391.478.434
31/12/11	008592	31/12/11	Cước vận chuyển hàng xuất t12/11			331		120.000.000
			VAT- Vận chuyển hàng xuất 12/11			1331	10.909.091	
			Cước vận chuyển hàng xuất t12/11			64177	109.090.909	
31/12/11	030595	31/12/11	Mua túi nilon nhập kho			331		11.600.160
			VAT- Mua túi nilon nhập kho			1331	1.054.560	
			Mua túi nilon nhập kho			152	10.545.600	
			Tổng số phát sinh trong kỳ				1.640.534.015.883	1.640.534.015.883

Người lập

Kí, ghi rõ họ tên

Kế toán trưởng

Kí, ghi rõ họ tên

Thủ trưởng đơn vị

Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên

Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN
Khu Cảng ca Tân Sơn- Thái Thụy- Thái Bình

SỔ CAI (TRÍCH)

(Dùng cho hình thức kê toán Nhật ký Chung)

Mẫu số: SN38- DN

Tháng 12/ 2011
Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ
Số hiệu: 1331

(Ban hành theo quyết định 15 ngày 20/3
của Bộ tài chính)

Ngày tháng ghi số	Chứng từ'		Diễn giải	N.K chung		Số hiệu TK ĐƯ	Sô'tiên	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có'
A	B	C	D	E	G	H	1	2
02/12/2011	021393	02/12/2011	VAT-Dịch vụ vận chuyển mặt đất			1111	133,706	
02/12/2011	000007	02/12/2011	VAT- Mua hệ thống điện, điều hòa			331	6,646,700	
05/12/2011	001078	05/12/2011	VAT- Mua bột xù mù khói nhập kho			331	24,533,840	
.....
10/12/2011	000001	10/12/2011	VAT - Mua ®uờng Sorbitol nhËp kho			331	2,590,785	
12/12/2011	000602	12/12/2011	VAT - Mua bìng dÝnh nhËp kho			331	3,658,377	
14/12/11	0390625	14/12/11	VAT- Tiền điện tháng 12/11			11213	18,371,766	
14/12/2011	001061	14/12/2011	VAT - Mua dcy vµ c,p ®iÖn h¹ thÓ l¾p ®Æt ®uờng ®iÖn			331	2,016,000	
16/12/2011	000494	16/12/2011	VAT - Mua khÈu trang nhËp kho			331	5,607,600	
17/12/2011	000482	17/12/2011	VAT - phÝ THC hưng XK tháng 12/11			331	1,750,455	
20/12/2011	000850	20/12/2011	VAT - Tối PA kh«ng in (H§0000850/20/12/11)			331	11,455, 009	
22/12/2011	00061	22/12/2011	VAT Mua b,t treo, thanh treo Inox ®ura vµo sö dÔng			331	400,050	
22/12/2011	000210	22/12/2011	VAT - Mua thiÓt bþ ®iÖn ®ura vµo sö dÔng (n=3)			331	1,100,900	
22/12/2011	000042	22/12/2011	VAT- Mua các loại bản mẫu in			1111	472,500	
26/12/2011	000101	26/12/2011	VAT - Mua ñng, g`ng tay BHL§			331	512,400	

26/12/2011	000004	26/12/2011	VAT - Phí sđt chđa bđng chuyòn sÊy			331	800,000	
26/12/2011	000261	26/12/2011	VAT - Mua túi PE, màng PE nhồi kho			331	6,617,233	
27/12/2011	000935	27/12/2011	VAT - Mua khay nhựa c,c lõi nhồi kho			331	65,834,000	
31/12/2011	000002	31/12/2011	VAT - Trả gi, hàng mộc nhù bìo «n vụ bùn chõ biòn			331	33,295,000	
...
31/12/2011	000004	31/12/2011	VAT - Trả gi, cồng trành cõa nhù kh,ch			331	7 ,450 ,100	
31/12/2011	000003	31/12/2011	VAT - Trả gi, cồng trành nhù xương, kho lĩnh 1,2 (bæ sung hîp ®ång)			331	450,909,091	
31/12/2011	000026 9	31/12/2011	VAT - Túi PE			331	6,000,883	
31/12/2011	059696	31/12/2011	Mua bđng dÝnh ®iòn nhồi kho			331	540,800	
31/12/2011	000265	31/12/2011	VAT - Chi phí xuât khứu hàng ho,			331	267,635	
31/12/2011	000091	31/12/2011	VAT phÍ phòn tÝch tui nguyễn vụ m«i trường			331	634,366	
			Tổng số phát sinh trong kỳ				6,218,557,377	
			Số dư cuối kỳ				6,796,174,038	
			Tổng phát sinh lũy kế				1,366,380,036	
							6,218,557,377	
							6,796,174,038	

Người lập

Kí, ghi rõ họ tên

Kết toán trưởng

Kí, ghi rõ họ tên

Thủ trưởng đơn vị

Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên

2.7.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra tại công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty

2.7.2.1. Khái niệm và mục đích

*Khái niệm:

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

*Mục đích:

Mục đích của quá trình kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra: Căn cứ vào HĐGTGT bán ra (hóa đơn xanh), kế toán của doanh nghiệp sẽ xác định tổng số thuế GTGT đầu ra doanh nghiệp. Cuối tháng, kế toán sẽ kết chuyển thuế GTGT đầu ra này với số thuế GTGT đầu vào trong tháng của doanh nghiệp để biết trong tháng đó doanh nghiệp phải nộp thêm hay được hoàn lại bao nhiêu tiền thuế.

2.7.2.2. Kết cấu tài khoản sử dụng

* Tài khoản sử dụng:

Công ty sử dụng TK 333 – “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” để hạch toán chung các loại thuế trong đó có thuế GTGT đầu ra. Theo dõi chi tiết trên TK 3331 – Thuế GTGT

TK 3331 có 2 TK cấp 2 sau:

- TK 33311 - Thuế GTGT đầu ra
- TK 33312 – Thuế GTGT hàng nhập khẩu

✓ Đây là công ty sản xuất để xuất khẩu nên thuế GTGT đầu ra ở mức 0%

* Kết cấu tài khoản sử dụng:

TK 3331

- | | |
|---|--|
| - Thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại | - Thuế GTGT đầu ra phát sinh trong - Thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu |
| - Số thuế GTGT đã được khấu trừ | |
| - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN | |
| - Phản ánh số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp | - Số thuế GTGT đầu ra còn phải nộp |
| - Phản ánh số thuế đã nộp được xét vào NSNN miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện thoái thu | |

* **Chứng từ sử dụng:**

Giấy báo nợ, giấy báo có

Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKT - 3 LL)

Tờ khai thuế GTGT (Mẫu 01/GTGT)

Bảng tổng hợp thuế GTGT theo bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh (Mẫu 01- 3GTGT).

Giải trình khai bổ sung, điều chỉnh (Mẫu số: 01GTKT-3LL1)

Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào (Mẫu số 01- 1/GTGT, Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT BTC ngày 14/6/2007 của BTC).

Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra (Mẫu số 01- 2/GTGT, Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT BTC ngày 14/6/2007 của BTC).

* **Quy trình hạch toán:**

- Từ các chứng từ gốc phát sinh liên quan đến nghĩa vụ thuế (hóa đơn GTGT), kế toán viên nhập dữ liệu vào sổ nhật ký chung trong máy tính.

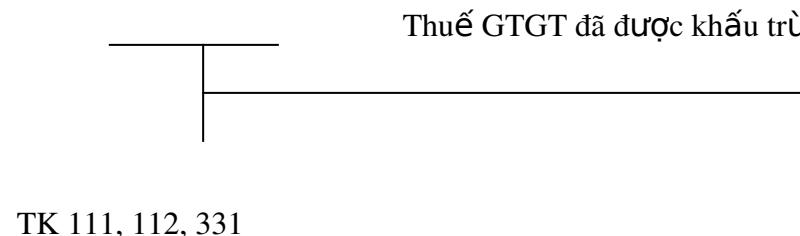
- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ chi tiết như: Sổ cái, Bảng kê hóa đơn, Chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Sau đó, kế toán tiến hành in các phiếu có liên quan như phiếu thu...

- Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo, kế toán sẽ phải hoàn thành việc lập Tờ khai thuế GTGT tháng của tháng trước đó thành 2 bản, trong đó 1 bản để tại đơn vị và 1 bản nộp lên cục thuế để đóng dấu. Số liệu trong sổ 33312 phải khớp đúng với số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra trên tờ khai

- Tiếp đó, kế toán sẽ tiến hành kết chuyển giữa thuế GTGT đầu vào và đầu ra. Từ đó, kế toán sẽ xác định được doanh nghiệp mình còn phải nộp bao nhiêu tiền thuế (bằng số dư ở tài khoản 333) hay sẽ được chuyển sang kí sau để khấu trừ bao nhiêu (bằng số dư ở tài khoản 133)

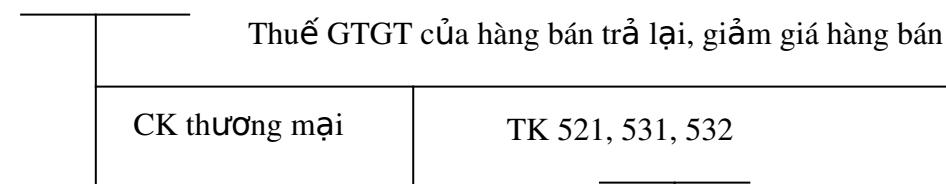
*** Phương pháp hạch toán:****TK 3331**

TK 133

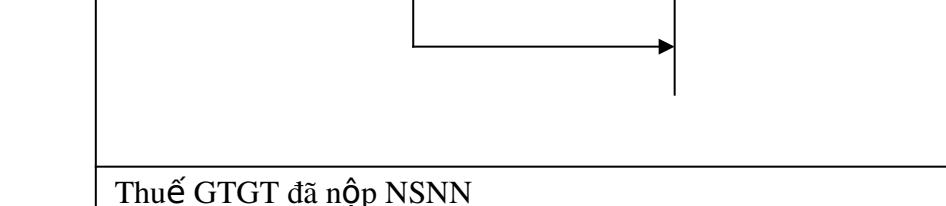


TK 511, 512, 515

TK 111, 112, 331



DT bán hàng, cung cấp DV, DT tài chính phát sinh



Thu nhập khác phát sinh

TK 711

TK 711

Thuế GTGT phải nộp được giảm

* **Sổ sách sử dụng:**

Công ty sử dụng các loại sổ sách theo quy định của hình thức Nhật ký chung, cụ thể có các loại sổ sau:

- Sổ cái tài khoản 333
- Sổ chi tiết tài khoản 33312
- Sổ nhật ký chung (Trích)

2.7.2.3. Những chứng từ thực tế và quy trình kế toán thuế GTGT đầu ra thực tế tại công ty

❖ **Căn cứ vào chứng từ gốc là HĐGTGT đầu ra để vào sổ:**

Đối với hóa đơn đầu ra của công ty thì 100% được thu bằng tiền gửi ngân hàng, nên cửa nhập chính là phần hành Vốn bằng tiền, chọn Thu qua ngân hàng. Sau đó, từ HĐGTGT đầu ra chúng ta xác định số tiền thu về và thuế(0%) sử dụng để lập bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra để đính kèm với Tờ khai thuế GTGT.

❖ **Căn cứ vào chứng từ gốc là Giấy Nộp Tiền Vào NSNN:** ta sẽ nhập vào 1 trong 2 cửa nhập chính là Chi Bằng Tiền Mật hoặc Chi qua ngân hàng. Khi nhập xong, số liệu sẽ tự được chuyển vào Sổ Nhật Kí Chung và Sổ Cái TK 33312 và các Sổ chi tiết liên quan.

* Sau khi hoàn thành tất cả các nghiệp vụ ta sẽ có được toàn bộ số liệu liên quan đến các nghiệp vụ của HĐGTGT đầu ra trên sổ NKC và sổ 33312. Cuối tháng sau khi tổng hợp toàn bộ hóa đơn, ta sẽ lập Báo Cáo Tình Hình Sử Dụng Hóa Đơn để nộp lên cơ quan thuế. Cụ thể với 2 chứng từ gốc là HĐGTGT và Giấy nộp tiền vào NSNN ta sẽ tiến hành công việc kế toán thuế GTGT đầu ra như sau:

HOÁ ĐƠN XUẤT KHẨU

Mẫu số: 06HDXK3/001
Ký hiệu: RB/11P
Số: 0000138

Liên 1: Lưu

Ngày 05 tháng 12 năm 2011

Đơn vị xuất khẩu: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VN

Địa chỉ: Khu Cảng Cá Tân Sơn Thái Thụy Thái Bình

Số tài khoản:

Điện thoại: +84.36.3712.966 , Fax: +84.36.3712.965, Mã số thuế: 1000390802

Tên đơn vị nhập khẩu: C&H International LL.C

Địa chỉ: 15 East North Street Dover 19901 USA

Số tài khoản:

Điện thoại: Mã số thuế:

Số hợp đồng: Ngày hợp đồng: 25/ 11/
2011

Hình thức thanh toán: TTR

Địa điểm giao hàng: Hải Phòng

Địa điểm nhận hàng: Japan

Số vận đơn: 350100014361

Số container: SZLU9038972 Tên đơn vị vận chuyển: T.S.LINES

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4*5
1	Tôm tẩm bột đông lạnh các loại (ALP)	Kg	8.375,5	6,958	58.276,55

	TKHQ số 1303/XSX01	Công	8.375,5		
	Công tiền hành hoá dịch vụ				58.276,55
	Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi sáu đô la Mỹ và năm mươi lăm Cent				
	Tỷ giá: 20.803 Quy đổi VND : 1.212.327.070				

Người bán hàng

(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số: C1- 02/NS

(Ban hành theo TT số 128/TT-BTC
ngày 24/12/2008 của BTC)

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Người nộp thuế: Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty Việt Nam

Mã số thuế: 1000390802

Địa chỉ: Khu Cảng Cá Tân Sơn

Huyện: Thái Thụy

Tỉnh: Thái Bình

Người nộp thay:
thuế:

Mã số

Địa chỉ:

Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN) : CNNHTMCP Công Thương Diêm Điền trích TK số:
102010000462167

(hoặc) nộp tiền mặt để chuyển cho KBNN: Thái Bình Tỉnh, TP: Thái Bình

Để ghi thu NSNN hoặc nộp vào TK tạm thu số

Cơ quan quản lý thu: Mã số:

Tờ khai HQ, QĐ số: 125/NDT01 ngày 30/06

Loại hình

XNK:

(hoặc) Bảng kê biên lai số: ngày

ST T	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Mã ngành KT (K)	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
1	Thuế GTGT hàng	151	191	1702	2011	577.724.607đ

nhập khẩu					
Tổng cộng					577.724.607đ

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm linh bảy đồng chẵn./.

PHÂN KBNN GHI

Mã quỹ: Mã ĐBHC:

Nợ TK:

Mã KBNN: Mã nguồn NS:

Có TK:

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày 26 tháng 07 năm 2011

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG A

Ngày 26 tháng 07 năm 2011

Kế toán

Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG B

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ quỹ

Kế toán

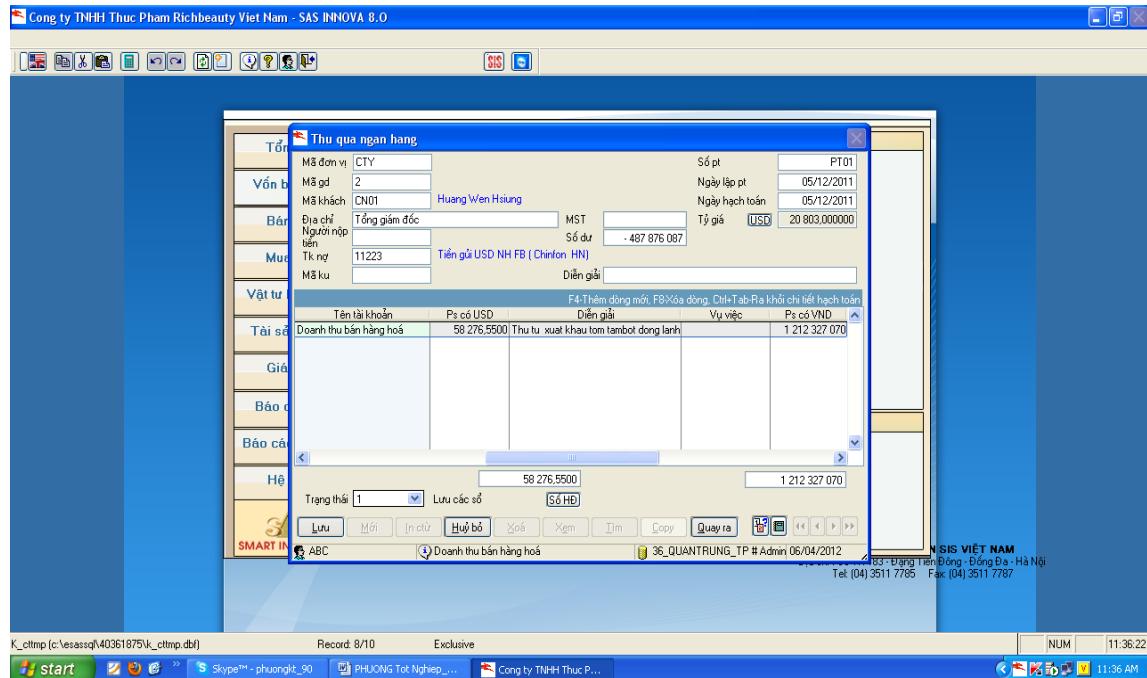
Kế toán

trưởng

* Quy trình như sau:

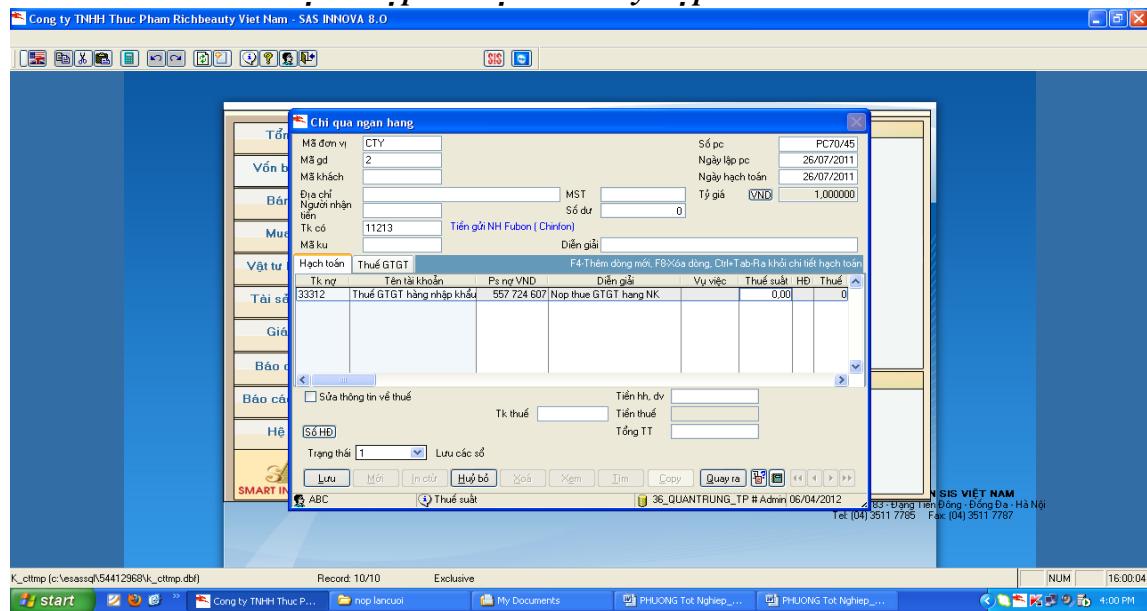
Từ HĐGTGT đầu ra như trên, chúng ta xác định được số tiền thu về là: 58.276,55 USD. Sau đó vào Vốn bằng tiền chọn Thu qua ngân hàng để nhập dữ liệu. Giao diện thể hiện như sau:

Giao diện nhập dữ liệu từ HĐGTGT đầu ra:



*Căn cứ vào Giấy nộp tiền vào NSNN, ta chọn Vốn Bằng Tiền, chọn mục chi qua Ngân Hàng và nhập. Sau khi nhập, ta được giao diện sau:

Giao diện nhập dữ liệu từ Giấy nộp tiền vào NSNN :



SỐ NHẬT KÝ CHUNG (TRÍCH)
Tháng 12/2011Mẫu số: S03a- DN
(Ban hành theo quyết định 15
ngày 20/3 của Bộ tài chính)

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
05/12/11	0000138	05/12/11	T <small>h</small> êm bét c,c lo <small>i</small>			131	1 212 327 070	
			T <small>h</small> êm bét c,c lo <small>i</small>			5112		1 212 327 070
08/12/11	0000139	08/12/11	T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small> ALP			131	1 077 203 471	
			T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small> ALP			5112		1 077 203 471
09/12/11	0004140	09/12/11	T <small>h</small> êm susi R <small>ac</small> cung l <small>act</small> c,c lo <small>i</small>			131	1 976 285 000	
			T <small>h</small> êm susi R <small>ac</small> cung l <small>act</small> c,c lo <small>i</small>			5112		1 976 285 000
09/12/11	0004141	09/12/11	T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small>			131	1 635 615 072	
			T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small>			5112		1 635 615 072
22/12/11	0004142	22/12/11	T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small>			131	1 220 882 255	
			T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small>			5112		1 220 882 255
22/12/11	0004143	22/12/11	T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small>			131	1 311 380 509	
			T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small>			5112		1 311 380 509
23/12/11	0004144	23/12/11	T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small>			131	1 165 286 569	
			T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small>			5112		1 165 286 569
25/12/11	0004145	25/12/11	T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small> c,c lo <small>i</small>			131	1 109 827 478	
			T <small>h</small> êm bét R <small>ac</small> cung l <small>act</small> c,c lo <small>i</small>			5112		1 109 827 478
...
			T<small>ổ</small>ng số phát sinh trong kỳ:				1 640 534 015 883	1 640 534 015 883

Người lập

Kí, ghi rõ họ tên

Kế toán trưởng

Kí, ghi rõ họ tên

Thủ trưởng đơn vị

Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên

Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN
 Khu Cảng ca Tân Sơn- Thủ Thiêm- Thủ Đức

Mẫu số: SO3b- DNN

(Ban hành theo quyết định 15
 ngày 20/3 của Bộ tài chính)

SƠ CAI

(Dùng cho hình thức kê toán Nhật ký Chung)

Năm 2011

Tên tài khoản: Thuế GTGT hàng Nhập Khẩu
 Số hiệu: 33312

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	N.K chung		Số hiệu TK ĐƯ	Sô tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
11/01/201 1	CT0105	11/01/201 1	Thuế GTGT hàng NK (QĐ 121 QĐAQS ngày 20/12/10)			11211	430 000	
14/04/201 1	CT0405	14/04/201 1	Thuế GTGT hàng NK kê khai 97, 123/NDT			11211	10 408 495	
14/04/201 1	VAT04/5 1	14/04/201 1	Thuế GTGT hàng NK @ 0% khâu trộn			1331		10 408 495
17/05/201 1	CT05/25	17/05/201 1	Nép thuế GTGT hàng NK			11211	142 384 778	
17/05/201 1	VAT01/0 1	17/05/201 1	Thuế GTGT hàng NK kê khai HQ sè 78/NDT 20/4/11			1331		142 384 778
16/06/201	CT06/15	16/06/201	Nép thuế GTGT hàng NK kê khai HQ			11211	365 956	

1		1	sè 103/26/5/11				470	
16/06/201 1 0	VAT06/5	16/06/201 1	Thuế GTGT hàng NK tê khai 103/26/5/11			1331		365 956 470
26/07/201 1	CT07/13	26/07/201 1	Nép thu thuế GTGT hàng NK tê khai 125/NDT ngày 30/6/11			11211	577 724 607	
26/07/201 1	VAT07/0 1	26/07/201 1	Khác trống VAT ®Cú vmo hàng ho, NK trong kú			1331		
05/08/201 1	CT08/05	05/08/201 1	Nép thu thuế GTGT hàng NK TK323/ND			11211	670 790	
08/09/201 1	CT09/02	08/09/201 1	Nép tiêm thu thuế GTGT hàng NK tê khai 138/NDT, 300/NDT			11211	555 196 007	
08/09/201 1	VAT09/0 1	08/09/201 1	Khác trống thu thuế GTGT hàng nhôm khác (TK138, 300)			1331		
21/10/201 1	CT1042	21/10/201 1	Nép tiêm thu thuế GTGT hàng NK TK 420/5/10/11			11211	2 028 303	
21/10/201 1	VAT1001	21/10/201 1	Thuế GTT hàng NK ®uốc khac trống			1331		
01/11/201 1	CT11/02	01/11/201 1	Nép thu thuế GTGT hàng ho, nhôm khac TK NDT01/19/9/11			11211	650 528 734	
01/11/201 1	VAT11/0 1	01/11/201 1	Thuế GTGT hàng NK ®uốc khac trống			1331		
10/11/201 1	CT11/08	10/11/201 1	Nép thu thuế GTGT hàng nhôm khac			11211	960 318	
10/11/201 1	VAT11/0 2	10/11/201 1	Thuế GTGT hàng NK ®uốc khac trống			1331		
14/11/201	CT11/12	14/11/201	Nép thu thuế GTGT hàng NK			11211	374 662	

1		1	TK485/NDT/7/11/11)					
14/11/201 1	VAT11/0 3	14/11/201 1	Thuỷ GTGT hàng NK (TK485/07/11/11)			1331		
			Tổng phát sinh trong kỳ				653 892 017	653 892 017
			Tổng phát sinh luỹ kế				653 892 017	653 892 017

Người lập

Kí, ghi rõ họ tên

Kế toán trưởng

Kí, ghi rõ họ tên

Thủ trưởng đơn vị

Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên

2.7.3. Báo cáo thuế

Một trong những nhiệm vụ chính mà kế toán thuế GTGT bắt buộc phải làm hàng tháng ngay cả khi doanh nghiệp không phát sinh các nghĩa vụ liên quan đến thuế là lập Báo cáo thuế GTGT của đơn vị trong tháng để nộp lên cục thuế trước ngày 20 của tháng sau. Khi đó, cán bộ thuế sẽ đóng dấu vào 1 bản để đơn vị mang về lưu giữ để phục vụ cho công tác Thanh tra Thuế khi Thuế vào kiểm tra. Bản còn lại được lưu tại cục thuế dùng làm cơ sở và tài liệu làm căn cứ để cục thuế quản lý, kiểm tra, thanh tra công tác thuế của tất cả các đơn vị trong địa bàn mình quản lý.

Báo cáo thuế GTGT hàng tháng của đơn vị bao gồm: Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, Tờ khai thuế GTGT và 2 bảng kê đính kèm là: Bảng kê thuế hàng hóa dịch vụ bán ra- bao gồm toàn bộ các nghiệp vụ liên quan đến hàng hóa mà doanh nghiệp bán ra thị trường(để bên thuế làm căn cứ quản lý số thuế đầu ra của đơn vị) và Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào- phản ánh toàn bộ số hàng hóa dịch vụ chịu thuế mà doanh nghiệp mua vào trong tháng(làm căn cứ để bên thuế xác định số thuế GTGT đầu vào trong tháng mà doanh nghiệp đã khai báo với thuế).

Quá trình lập Báo cáo thuế GTGT của doanh nghiệp diễn ra như sau:

+ Sau khi nhập xong toàn bộ hóa đơn, chứng từ vào các cửa nhập tương ứng của phần mềm theo yêu cầu, phần mềm sẽ tự động chuyển số liệu đó vào Sổ Nhật Ký Chung và các Sổ chi tiết có liên quan. Song song với quá trình nhập số liệu vào sổ, kế toán phải lập Tờ Khai Thuế GTGT, Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra và Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào trên hệ thống hỗ trợ kê khai 3.0.1 trong đó 2 bảng kê đính kèm được kết xuất từ file “HĐ-thuế” trong phần mềm kế toán SAS.Inova 8.0 ta đã làm ở trên, và 2 bảng kê này là căn cứ để lập Tờ Khai. Kế toán phải chú ý phải kiểm tra đối chiếu giữa tờ khai, sổ sách và hóa đơn luôn đảm bảo số liệu phải trùng khớp nhau, tránh kê

nhầm kê thiế, kê sai gây tổn thất cho doanh nghiệp. Cụ thể giao diện của Tờ khai, Tờ khai thuế GTGT và 2 bảng kê thực tế của công ty được trình bày ở phần dưới đây:

Giao diện Tờ Khai Thuế GTGT tháng 12 thể hiện trên ứng dụng “Hỗ trợ kê khai thuế 3.0.1” do nhà nước cung cấp miễn phí cho doanh nghiệp:

The screenshot shows the 'Hỗ trợ kê khai - Phiên bản 3.1.2' software window. The main title is 'TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)' (Tax Declaration Form for Value Added Tax (Model No. 01/GTGT)). It is intended for individuals who declare VAT according to the simplified VAT declaration method. The form is dated December 2011.

Key fields shown include:

- Mã số thuế: 1000390802
- Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Thực phẩm Rich Beauty Việt Nam
- Tên đại lý thuế (nếu có):
- Mã số thuế đại lý:

The main table displays the following data:

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHTV	THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (dánh dấu "X")	[21]	0
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	[22]	0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHTV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	13.772.038.635 [24]
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	[25]	1.367.882.030
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ((27) = [29] + [30] + [32]; [28] = [31] + [33])	[27]	17.348.677.037 [28]
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	17.348.677.037
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0 [31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	0 [33]
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHTV bán ra ((34) = [26] + [27]; [35] = [28])	[34]	17.348.677.037 [35]
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])	[36]	(1.367.882.030)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước		

Hệ truy cập - Phiên bản 3.1.2

Nhập tờ khai

II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27] = [29]+[30]+[32]; [28] = [31]+[33])	[27]	17.348.677.037 [28]
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	17.348.677.037
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất %	[30]	0 [31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	0 [33]
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34]	17.348.677.037 [35]
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])		
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước	[37]	0
2	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước	[38]	0
V	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh		
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu [40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] > 0)	[40a]	0
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cung tinh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp	[40b]	0
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40] - [40a] - [40b])	[40]	0
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu ([41] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] < 0))	[41]	1.367.882.030
4.1	Thuế GTGT để nghỉ hoàn	[42]	0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42])	[43]	1.367.882.030
Nhân viên đại lý thuế			
Họ và tên		Người ký:	
Chứng chỉ hành nghề số		Ngày ký:	14/01/2012

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT / PL 01-3/GTGT / PL 01-4A/GTGT / PL 01-4B/GTGT / PL 01-5/GTGT / PL 01-6/GTGT

[Thêm phụ lục] [Nhập lại] [Ghi] [In] [Xóa] [Kết xuất] [Đóng]

start PHUONG TOT Nghiệp... Công ty TNHH Thực Ph... 11:20 AM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Mẫu số:01/GTGT
(Ban hành Theo TT số
128/2008/TT-BTC ngày
24/12/2008 của BTC)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

(Dành cho người nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)

Ký tính thuế: tháng 12 năm 2011

Lần đầu:

Bổ sung lần thứ:

Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty VN

Mã số thuế:1000390802

Địa chỉ: Khu Cảng Cá Tân SƠN

Quận/huyện: Thủ Đức

Tỉnh/TP: Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại:.....

Fax:.....

Email:.....

Tên đại lí (nếu có):
.....

Mã số thuế:
.....

Địa chỉ:
.....

Quận/huyện:..... Tỉnh/TP:

Điện thoại:..... Fax: Email:

Hợp đồng đại lí thuế:..... Số:..... Ngày:
.....

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ	13.722.038.635	1.367.882.030
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào		1.367.882.030
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT		
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT	17.348.677.037	
A	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	17.348.677.037	
B	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%		
C	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%		
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra	17.348.677.037	
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ		(1.367.882.030)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước		
2	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước		
V	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại		

	tỉnh		
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ		
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư		
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ		
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này		1.367.882.030
4.1	Thuế GTGT để nghị hoàn		
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau		1.367.882.030

Tôi cam đoan số liệu trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày 14 tháng 1 năm 2012

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:

1							0	0	
Tổng							0	0	

2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:

1	RB/11P	000138	05/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,212,327,070	0	
2	RB/11P	000139	08/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,077,203,471	0	
3	RB/11P	000140	08/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,110,365,118	0	
4	RB/11P	000141	09/12/2011	Huang's Corporation Limited		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,635,615,072	0	
11	RB/11P	000148	09/12/2011	Huang's Corporation Limited		Tôm Sushi đông lạnh	1,976,285,000	0	
12	RB/11P	000149	15/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,176,458,155	0	
13	RB/11P	000150	15/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,113,731,103	0	
14	RB/11P	000151	20/12/2011	Huang's Corporation Limited		Tôm Sushi,PD đông lạnh	2,148,209,632	0	
15	RB/11P	000152	21/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,165,286,569	0	
16	RB/11P	000153	22/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,311,380,509	0	
17	RB/11P	000154	22/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,220,882,255	0	
18	RB/11P	000155	22/12/2011	Xoá bở			0	0	
19	RB/11P	000156	27/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,109,827,478	0	
20	RB/11P	000157	27/12/2011	C&H International L.L.C		Tôm tẩm bột đông lạnh ALP	1,091,105,605	0	

Tổng							17,348,677,03	7	0	
------	--	--	--	--	--	--	---------------	---	---	--

3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:

1							0	0		
	Tổng						0	0		

4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:

1							0	0		
	Tổng						0	0		

5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:

1							0	0		
	Tổng						0	0		

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra :

17,348,677,037

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra :

0

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT :

17,348,677,037

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 14 tháng 01 năm 2012

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NGƯỜI NỘP THUẾ

(Kí rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO(Trích tháng 12)

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú hoặc thời hạn thanh toán trả chậm
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:										
62	AA/11P	0001491	01/12/2011	CN công ty CP giao nhận vận tải và TM tại Hải Phòng	0301776205-002	Phí chứng từ, phí khai thác ...	3,209,794	10	320,980	
63	AA/2009	21393	02/12/2011	Công ty CP giao nhận kho vận hàng không	0102355611.00	Phí thông quan, phí vận chuyển mặt đất	1,337,064	10	133,706	
64	LD/11P	7	02/12/2011	Công ty TNHH cơ khí xây dựng Liên Dũng	1000881896.00	Lắp đặt hệ thống điện, điều hòa (HĐ00007/3/12/11)	66,467,000	10	6,646,700	
...
79	10AA/11P	733889	05/12/2011	Công ty CP thương mại Hà Hải An	1000402864.00	Đường trăng	19,714,286	5	985,714	
80	AA/11P	001078	05/12/2011	Công ty TNHH Vina Foods KYOE	0303478451	Bột xù mỳ khối	245,338,400	10	24,553,840	
184	HK/11T	390625	14/12/2011	Công ty điện lực Thái Bình	01000100417-001	Điện SX từ 25/11- 10/12	183,177,760	10	18,317,776	
201	SN/11P	000042	22/12/2011	Công ty TNHH In & Thương Mại Giấy Sơn Nam	1000214148	Biểu mẫu các loại in 1m, 2m	4,725,000	10	472,500	
202	AA/11P	0000038	22/12/2011	Công ty CP TM XNK An Ngọc Cường	0201088886.00	Cước vận chuyển HP-TB	7,800,000	10	780,000	
203	TG/11P	0000140	22/12/2011	Công ty TNHH Thanh Gái	1000834014.00	Bóng compac, đầu cốt, băng keo...	3,448,000	10	344,800	
...
269	AA/11P	00269	30/12/2011	Công ty TNHH Tùng Hiệp	0200603492	Túi nilon	60,008,830	10	6,000,883	
270	AA/2009	21405	16/12/2011	CTCP Giao nhận hàng không	0102355611.00	Cước vận chuyển hàng không	3,179,770	10	133,770	
271	AA/2009	22171	29/12/2011	CTCP Giao nhận hàng không	0102355611.00	Cước vận chuyển hàng không	2,901,209	10	133,865	
Tổng							13,772,038,635			1,367,882,030

2. Hàng hóa, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:						
1						
Tổng						0 0 0
3. Hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:						
1						0 0 0
Tổng						0 0 0
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:						
1						0 0 0
Tổng						0 0 0
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:						
1						0 0 0
Tổng						0 0 0
Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào:			13,772,038,635			
Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào:			1,367,882,030			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ngày 14 tháng 01 năm 2012

Họ và tên:

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Chứng chỉ hành nghề số:

(Kí rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÓA ĐƠN (Quý 4 năm 2011)

Mẫu: BC26/AC
(Ban hành theo thông tư số
153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010
của BTC)

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thực Phẩm Rich Beauty

Mã số thuế: 1000390802

Địa chỉ: Khu Cảng Cá Tân Sơn- Thái Thụy- Thái Bình

S T T	Tên hoá đơn	Kí hiêu mẫu HD	Kí hiệu HD	Số tồn đầu kỳ, mua/phát sinh trong kỳ				Số sử dụng, xoá, bỎ, mất trong kỳ								Tồn cuối kỳ							
				Tổn g số	Số tồn đầu kỳ		Số mua/phát sinh trong kỳ	Tổng số sử dụng, xoá, bỎ, mất, huỷ			SL đã sử dụ ng	Xoá bỏ		Mất		Huỷ		Từ số	Đến số	SL			
					Từ số	Đến số		T ù số	Đế n s ố	Từ số	Đến số	Cô ng	SL	Số	S L	S ố	SL	Số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	1 6	17	18	19	20	21	22		
1	HD xuất khẩu	6HDXK 3/001	RB/11P	4897	0000164	0005000			0000104	0000157	54	42	12	000117 000122 000123 000124 000134 000142 000143 000144 000145 000146 000147 000155							000158	0005000	4843

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trên đây là đúng, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Ngày 14 tháng 01 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(kí, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN III:

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

3.1. Đánh giá về thực trạng chung của toàn hệ thống thuế GTGT do nhà nước quy định và một số kiến nghị của bản thân nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống thuế của nhà nước

3.1.1. Một số chính sách nổi bật của nhà nước trong thời gian gần đây nhằm khắc phục phần nào hiện tượng gian lận trốn lậu thuế

+) **Có những quy định chặt chẽ hơn:**

Những hóa đơn có giá trị ≥ 20 triệu chỉ khi thanh toán qua ngân hàng mới được khấu trừ số thuế GTGT trên hóa đơn

Buộc các doanh nghiệp phải hạch toán thuế GTGT trên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế phiên bản 3.0.1 và nâng cấp thành 3.0.2(được sử dụng từ tháng 1/2012). Với phiên bản này, thuế GTGT đầu vào của doanh nghiệp này là thuế GTGT đầu ra của doanh nghiệp kia nên khi doanh nghiệp nhập không đúng hệ thống sẽ báo đỏ và không cho kết xuất file. Đây là một biện pháp mới góp phần giúp cơ quan thuế kiểm soát các đơn vị trong địa bàn

Chính sách 1 của: Các doanh nghiệp tiến hành kê khai qua mạng, nộp và tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Điều này góp phần giúp doanh nghiệp tự nâng cao ý thức trong việc kê khai chính xác số thuế mà doanh nghiệp mình phải nộp

+) **Ban hành thông tư mới:** Ngày 11/01/2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 06/2012/TT-BTC (TT 06) hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 và Nghị định số 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ về thuế GTGT:

Thông tư sửa đổi, bổ sung thêm về đối tượng không chịu thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT,

Quy định mới đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường; Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB; Hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương; Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng nội bộ; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng theo giá trọn gói,

Bổ sung thêm đối tượng áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT gồm cả tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư; Các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt; Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý.

+) **Phân loại để tiến hành kiểm trước hoàn sau hay hoàn trước kiểm sau:** Đối với những đối tượng, lĩnh vực thường xảy ra gian lận như cơ sở kinh doanh mới thành lập có thời gian kinh doanh dưới 1 năm hoặc để nghị hoàn thuế lần đầu; cơ sở kinh doanh có các hành vi gian lận về thuế GTGT; cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hoá là nông sản, lâm sản, thuỷ sản.... cơ sở kinh doanh chia tách, giải thể phá sản thì áp dụng cơ chế kiểm tra trước, hoàn thuế sau. Những cơ sở kinh doanh thực hiện tốt luật thuế, không vi phạm thuế thì hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

+) **Pháp luật mạnh:** Song song với biện pháp trên, còn áp dụng chế tài xử lý vi phạm đối với các trường hợp gian lận về hoàn thuế mức cao hơn. Nếu hồ sơ hoàn thuế GTGT có mức gian lận từ 5 triệu đồng trở lên thì ngoài việc xử phạt hành chính thuế, truy thu, truy hoàn tiền thuế đã hoàn, doanh nghiệp sẽ không được hoàn thuế trong thời gian 12 tháng. Đồng thời, còn bổ sung điều kiện, thủ tục hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu phải thanh

toán qua ngân hàng. Sửa đổi qui trình quản lý, thủ tục hải quan áp dụng đối với hàng hoá xuất khẩu theo đường biên giới đất liền.

+)**Nâng cao trách nhiệm cán bộ liên quan đến thuế:** Trong công tác cán bộ, cả ngành Thuế và Hải quan phải đánh giá, rà soát lại đội ngũ cán bộ thuế ở cơ sở, tăng cường trách nhiệm liên đới của thủ trưởng cơ quan thuế trực tiếp đối với các vi phạm của cán bộ cấp dưới; cụ thể hoá các hình thức xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm của cán bộ công chức... Đồng thời, phối hợp với các cơ quan pháp luật, đặc biệt với cơ quan công an ký qui chế phối hợp giữa Tổng cục Thuế với Tổng cục Cảnh sát và triển khai xây dựng kế hoạch phối hợp tới tận tỉnh, thành phố. Theo đó, đẩy nhanh tiến độ điều tra, xác minh xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp và cá nhân trong việc lợi dụng hoàn thuế GTGT để chiếm đoạt tiền của ngân sách nhà nước

3.1.2. Một số vấn đề còn tồn tại trong hệ thống thuế GTGT và những kiến nghị nhằm khắc phục những vấn đề được đặt ra

- Tồn tạ 2 phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp. Khi đó tạo ra sự không công bằng với những doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp vì là số đầu vào có thật nhưng lại không được khấu trừ thuế GTGT hay chỉ được khấu trừ với 1 tỷ lệ ấn định mang tính chủ quan trong khi những cơ sở sản xuất kinh doanh mua hàng không có hoá đơn chứng từ mà chỉ cần bằng kê khai (hầu như không có giá trị pháp lý) thì được khấu trừ không theo tỷ lệ nhất định

+)**Kiến nghị :** Để khắc phục tình trạng này cần phải đi đến một phương pháp tính thuế thống nhất, một loại hoá đơn thống nhất để trả lại đúng bản chất của thuế GTGT, tức là cần phải tiến đến việc sử dụng phương pháp khấu trừ cho mọi đối tượng và hóa đơn đều là hóa đơn GTGT do doanh nghiệp tự in, quản lý và chịu trách nhiệm.

- Ngành thuế chưa thực hiện hết chức năng của mình trong trường hợp thực hiện trách nhiệm xử phạt hành chính đối với các trường hợp gian lận thuế GTGT.

+) Kiến nghị cơ quan thuế phải thực hiện nghiêm chỉnh việc phạt tiền từ 1 – 5 lần số tiền thuế gian lận để răn đe doanh nghiệp trong việc nghiêm túc kê khai đúng và đầy đủ số thuế phải nộp

- Chưa hoàn thiện việc quản lý, kiểm tra thuế bằng máy tính. Đặc biệt là sự kết nối giữa 3 cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an và Cơ quan thuế chưa được triển khai triệt để. Ba cơ quan này chưa cung cấp kịp thời các thông tin chính xác về doanh nghiệp, thân nhân của doanh nghiệp trong quá trình thành lập cũng như trong hoạt động kinh doanh. Điều này đã làm giảm hiệu quả về việc thực thi chức năng giám sát, theo dõi các doanh nghiệp của chính các cơ quan trên.

+) Kiến nghị các cơ quan có trách nhiệm phải phấn đấu nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác kiểm tra quản lý thuế để tránh các hình thức gian lận trốn lâu thuế tinh vi của doanh nghiệp

- Luật pháp Việt Nam chưa có những quy định thật cụ thể về nghĩa vụ lập hóa đơn GTGT khi bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị thấp dưới mức quy định (100.000 đ). Hơn nữa, đối với người mua là người tiêu thụ cuối cùng những hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT thì hoàn toàn không có quyền lợi gì trong việc yêu cầu bên bán phải thực hiện nghĩa vụ lập hóa đơn. Khi bên bán không thực hiện nghĩa vụ lập hóa đơn thì quyền lợi của Nhà nước bị xâm hại.

+) Kiến nghị: Nhà nước cần phải bảo vệ quyền lợi của mình bằng cách bắt buộc bên bán phải lập hóa đơn bán hàng cho tất cả mọi khách hàng. Nếu vi phạm phải có những biện pháp xử trí thật nghiêm khắc chủ yếu là đánh vào lĩnh vực tài chính của công ty.

3.2. Đánh giá về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty

3.2.1. Ưu điểm

+) Thuế GTGT đầu vào và đầu ra của doanh nghiệp được theo dõi riêng trên từng sổ chi tiết 1331 và 33312 đảm bảo cho công ty thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ thuế của công ty với nhà nước

+) Công ty có riêng một kế toán viên chuyên trách về Thuế nên đảm bảo cho việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến thuế GTGT được theo dõi một cách chặt chẽ hơn.

+) Công ty sử dụng các phần mềm kế toán máy và phần mềm hỗ trợ kê khai thuế giúp cho việc kê khai thuế dễ dàng, chính xác

+) Công ty lập một bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để kiểm tra các hoạt động kế toán nói chung và thuế nói riêng

+) Công ty có thuê 1 cán bộ thuế dày dặn kinh nghiệm trong nghề làm việc tại cục thuế tỉnh Thái Bình để hỗ trợ trực tiếp về những vấn đề mà công ty cần tham khảo

+) Công ty thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

+) Công ty thực hiện công tác tự kê khai thuế GTGT chính xác, trung thực, đầy đủ theo đúng quy định hiện hành và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước tất cả những gì đã khai.

+) Việc nộp thuế của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn và địa điểm quy định.

+) Trang thiết bị máy móc trong phòng kế toán được đảm bảo tương đối đầy đủ và Công ty đã kết nối Internet và mạng Lan cho dàn máy tính trong văn phòng giúp cho kế toán viên tự mình có thể cập nhật các văn bản pháp luật mới cũng như dễ dàng trao đổi dữ liệu cho nhau khi cần thiết.

3.2.2. Những vấn đề còn tồn tại trong công tác kế toán thuế GTGT của công ty và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty trong năm 2012

Bên cạnh những ưu điểm nói trên công tác kế toán thuế GTGT ở Công ty còn tồn tại những vấn đề sau cần khắc phục:

- Việc cập nhật và áp dụng một cách linh hoạt các quy định về luật thuế còn hạn chế do sự thay đổi liên tục của các sắc thuế ở nước ta hiện nay. Bộ máy kế toán của công ty chưa thật sự tốt, các kế toán thường chỉ làm theo mô típ cũ mà chưa có sự tìm tòi học hỏi và cập nhật những văn bản mới, điều này ảnh hưởng cực kỳ nghiêm trọng, tác động theo chiều hướng xấu đến uy tín và nhiều mặt của công ty. Đặc biệt nhân viên kế toán thuế còn non trẻ, lại kiêm nhiệm nhiều việc làm thêm tại nhà ảnh hưởng xấu đến chất lượng công việc tại công ty.

+) Kiến nghị công ty phải xây dựng một hệ thống quản lý thuế chặt chẽ, sát sao hơn thông qua việc cho chị Phạm Thị Hường- kế toán thuế của công ty tham gia nhiều lớp đào tạo bồi dưỡng về nghiệp vụ thuế để nắm chắc mọi nghị định thông tư mới của chính phủ và bộ trong lĩnh vực thuế đồng thời tăng có chính sách tăng lương trách nhiệm, tăng thưởng để khuyến khích, khen thưởng động viên cá nhân này nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, luôn luôn nâng cao tinh thần học hỏi, trau dồi kiến thức và cập nhật những chính sách thuế mới nhất được quy định để áp dụng một cách nhuần nhuyễn

với công ty mình. Bên cạnh đó, công ty cũng phải đưa ra những quy định nghiêm khắc, những hình thức kỉ luật thật rắn với nhân viên kế toán đặc biệt là kế toán thuế khi không hoàn thành trách nhiệm, không có sự học hỏi, cập nhật thông tin về những chính sách thuế mới nhất để lập báo cáo thuế làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cũng như lợi nhuận của công ty bằng cách cắt thưởng, trừ thặng mức công ty phải nộp phạt do làm sai chính sách vào lương của cá nhân đó, cắt đế bạt thăng chức trong 1 năm... Biện pháp cuối cùng mà công ty có thể áp dụng khi những hướng trên không hiệu quả là tuyển một kế toán thuế thực sự có kinh nghiệm và thực sự giỏi để làm tốt công tác kế toán thuế nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

- Công ty mới chỉ mở 1 tài khoản chi tiết 1331 cho thuế GTGT được khấu trừ. Do đó Khi doanh nghiệp lập và gửi bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế, nhận quyết định hoàn thuế của cơ quan thuế mà chưa tiến hành xử lý thì lúc này trên tài khoản 1331 tồn tại gộp cả "thuế còn được khấu trừ" và "thuế đã đề nghị hoàn không còn được khấu trừ" dễ dẫn đến sai lầm khi lập tờ khai thuế GTGT hoặc khi thực hiện khấu trừ thuế và đề nghị hoàn thuế ở những kỳ sau.

+) Kiến nghị công ty nên mở thêm 2 tài khoản chi tiết cho tài khoản 133 là:

* Tài khoản 1333 "Thuế GTGT đã đề nghị hoàn": Tài khoản này sử dụng để theo dõi thuế GTGT đã đề nghị hoàn

* Tài khoản 1334 "Thuế GTGT đã được hoàn phải thu": Theo dõi thuế GTGT đã nhận được quyết định được hoàn nhưng chưa nhận được tiền hoàn.

- Công ty là công ty sản xuất để xuất khẩu nên số thuế đầu ra= 0. Trong khi đó, số thuế đầu vào của doanh nghiệp lại rất lớn, DN phải nộp trước sau đó mới được hoàn thuế, thủ tục hoàn thuế lại rất phức tạp do đó doanh nghiệp sẽ không thể quay vòng vốn để kinh doanh đem lại lợi nhuận cao nhất cho công ty

+) Công ty phải tìm ra những để xuất hợp lý để lập thành văn bản và đề nghị lên thuế có biện pháp ưu tiên trong việc hoàn thuế để doanh nghiệp có thể có nhiều vốn đầu tư phát triển công ty

- Nhân viên kế toán thuế của công ty còn kiêm nhiệm quá nhiều việc nên công việc kế toán của công ty thường bị dồn đọng vào giai đoạn cuối kỳ, khi này áp lực do khối lượng công việc lớn sẽ ảnh hưởng xấu tới chất lượng công việc kế toán thuế tại công ty

+) Xem xét lại mức lương và thưởng đối với cá nhân này.Nếu chưa hợp lý có thể điều chỉnh. Có thể dùng hình thức nhắc nhở để nâng cao hơn tinh thần trách nhiệm của nhân viên này với công ty, nếu vẫn không thay đổi công ty nên tuyển một kế toán khác có nghiệp vụ và có trách nhiệm cao với công việc

3.3. Những điều bản thân tự học hỏi được về kế toán thuế GTGT trong quá trình thực tập

3.3.1. Những điều cần lưu ý trong quá trình kế toán và lập Tờ khai thuế GTGT :

❖ Những nguyên tắc cần nhớ:

+) Sau khi nộp báo cáo thuế lên cơ quan thuế và sẵn sàng giải trình một cách thuyết phục tất cả mọi câu hỏi mà bên thuế đặt ra thì coi như kế toán đã hoàn

thành nhiệm vụ kế toán thuế trong tháng đó của mình. Kế toán thuế GTGT nhàn hơn kế toán các loại thuế khác như thuế TNDN, Thuế TNCN....Ở chỗ kế toán thuế GTGT không phải làm quyết toán thuế GTGT năm, mà chỉ phải điều chỉnh nếu có sai sót hay những thay đổi nhất định.

+) Khi doanh nghiệp 3 kỳ liên tiếp được khấu trừ thuế hay số thuế được khấu trừ ≥ 200 triệu VNĐ, kế toán sẽ tiến hành làm “ Giấy đề nghị hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước” để nộp lên thuế và đợi quyết định hoàn thuế từ cơ quan thuế. Khi nhận được số tiền hoàn thuế, kế toán sẽ định khoản tăng tài khoản tiền và giảm tài khoản thuế GTGT còn được khấu trừ làm cho số dư trên tài khoản 1331 bằng 0.

+) Kế toán phải lập và Báo cáo thuế đúng thời hạn quy định để (trước ngày 20 của tháng sau) để tránh làm ảnh hưởng xấu đến công ty

❖ Sự ăn khớp giữa số liệu:

+) Số dư trên sổ chi tiết 1331 phải khớp với số liệu trong mục “Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau” trên tờ khai (vì đây là công ty sản xuất để xuất khẩu, VAT đầu ra = 0 nên luôn luôn còn số dư trên TK 1331 hay công ty luôn luôn còn số thuế GTGT được khấu trừ chuyển kỳ sau hay được hoàn thuế GTGT đầu vào đã nộp)

+) Tổng số phát sinh trên TK 1331 phải khớp với số liệu trong mục Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ trên Tờ Khai Thuế GTGT

+) Số dư trên Sổ 333 phải khớp với số liệu trong mục “Thuế GTGT còn phải nộp” trên Tờ Khai Thuế GTGT (đối với những doanh nghiệp mà số thuế GTGT đầu vào $<$ số thuế GTGT đầu ra)

+) Tổng số phát sinh trên TK 333 phải khớp với số liệu trong mục “Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT” trên Tờ Khai Thuế GTGT

+) Tổng của các số liệu trong các TK liên quan đến doanh thu về cung cấp hàng hóa dịch vụ (511...) của DN trong tháng phải khớp với số liệu trong mục Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra

+) Khi đối chiếu số chi tiết TK 1331 với Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào thấy kế toán kê thiếu số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, ta phải kiểm tra lại hóa đơn GTGT liên quan đến nghiệp vụ đó. Nếu trong HD GTGT có kê thuế thì Doanh nghiệp cũng phải chấp nhận số thuế GTGT đó không được khấu trừ và phải điều chỉnh số liệu trong sổ chi tiết 1331 cho khớp với số liệu đã kê trên Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào đã được Cục thuế đóng dấu

+) Khi đối chiếu Sổ TK 333 với Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra thấy kế toán kê thiếu số thuế GTGT đầu ra trong Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra, ta phải kiểm tra lại hóa đơn GTGT liên quan đến nghiệp vụ đó. Nếu trong HD GTGT có kê thuế thì kế toán phải tiến hành sửa chữa sổ kế toán đúng với số thuế GTGT trong hóa đơn và lập bảng bổ sung điều chỉnh số thuế GTGT đầu ra đã kê và nộp lên cục thuế qua Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra đã nộp.

+) Hàng tháng, nếu Doanh nghiệp không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến thuế GTGT đầu vào và đầu ra, kế toán vẫn phải lập Tờ Khai Thuế GTGT và nộp lên Cục thuế trước ngày 20 của tháng sau

+) Khi kế toán đã hoàn thành đầy đủ các sổ sách chứng từ, xác định được doanh nghiệp mình phải nộp hay còn được khấu trừ bao nhiêu tiền thuế GTGT mà khi Kiểm toán hay Thuế vào kiểm tra mà kế toán giải trình được mọi vấn đề liên quan thì coi như kế toán đã hoàn thành trách nhiệm kế toán thuế GTGT của công ty. Trong quá trình kế toán, gặp phải khó khăn gì, kế

toán của đơn vị có thể hỏi ý kiến của cán bộ thuế trực tiếp quản lý đơn vị mình

❖ Những sai sót thường gặp trong quá trình lập tờ khai thuế:

+) Thiếu chỉ tiêu 5 (dòng thuế GTGT được khấu trừ) khi kê khai thuế.

+) Nhầm lẫn giữa các dòng làm sai lệch nội dung của tờ kê khai thuế.

+) Nhân viên kế toán làm cho nhiều công ty khác nhau, khi lập tờ kê khai thuế bằng máy tính quên thay đổi mã số thuế, tên công ty, địa chỉ...của công ty.

+) Gộp doanh thu và thuế đều ra của nhiều thuế suất ghi chung vào một dòng khi kê khai thuế.

+) Không tính gộp cả doanh thu của HHDV không chịu thuế GTGT vào chỉ tiêu 1 khi kê khai thuế.

+) Không trừ số thuế phát sinh âm kỳ này với nợ thuế GTGT chưa nộp của kỳ trước khi kê khai thuế.

+) Tính vào số thuế GTGT đều vào đối với hàng hóa nhập khẩu theo thông báo của Hải Quan, trong khi chưa nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu đó.

+) Kê khai khấu trừ 3% đối với hàng hóa không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB nhưng mua về không phải để bán ra.

+) Không tách riêng bằng kê Hàng hóa DV mua vào có hóa đơn bán hàng được khấu trừ tỷ lệ 3% khi kê khai thuế.

❖ Những sai sót thường gặp trong quá trình lập hồ sơ hoàn thuế:

+) Không thuyết minh sự sai biệt giữa hóa đơn và tờ khai Hải quan; giữa hóa đơn và chứng từ thanh toán.

+) Thiếu chứng từ thanh toán hợp pháp đối với hàng xuất khẩu .

-
- +) Không có xác nhận của Hải quan tại ô 47 của tờ khai Hải quan .
 - +) Văn bản đề nghị hoàn thuế (mẫu 10/GTGT) không xác định minh thuộc đối tượng cụ thể nào được hoàn thuế (xuất khẩu hay âm lũy kế 3 tháng v.v...).
 - +) Bảng kê khai tổng hợp số thuế phát sinh đề nghị hoàn không khớp với số thuế GTGT đã kê khai hàng tháng (phải điều chỉnh lại số liệu đã kê khai nhầm trước khi lập hồ sơ hoàn thuế).
 - +) Phó giám đốc hoặc người được ủy quyền ký tên vào văn thư đề nghị hoàn thuế GTGT không được xem là hợp lệ.
 - +) Tài khoản đề nghị chuyển số tiền thuế GTGT được hoàn không đúng với số hiệu tài khoản và tên ngân hàng đã đăng ký thuế.

3.3.2. Những gian lận về kê toán thuế GTGT thường gặp :

Các đơn vị trong địa bàn tỉnh quá nhiều nên dù cố gắng nhưng Cục thuế tỉnh và các Chi cục tại các huyện và thành phố đã cố gắng nhưng vẫn không thể kiểm soát nổi dẫn đến những hiện tượng về gian lận thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, chủ yếu là các hành vi gian lận để làm tăng số thuế GTGT đầu vào hay giảm số thuế GTGT đầu ra. Một số hành vi nổi bật đang phát triển rất phổ biến là:

- +) Tạo nguồn hàng không, lập hợp đồng mua bán nội địa không với phương thức thanh toán trực tiếp.
- +) Hợp thức hóa nguồn tiền mua hàng xuất khẩu bằng cách lập các hợp đồng vay không, hoặc lập danh sách góp vốn kinh doanh bằng hợp đồng giả.

-
- +) Làm giả hợp đồng vận chuyển, thanh toán trước vận chuyển hàng hóa trong nội địa và ra cửa khẩu, tạo dựng hợp đồng mua bán ngoại thương và thanh toán giả.
 - +) Quay vòng nhiều lần hàng xuất khẩu.
 - +) Móc nối với cán bộ hải quan cửa khẩu xác nhận không hồ sơ hoặc khai tăng giá và khống lưỡng hàng hóa.
 - +) Hình thành các đường dây với những chi nhánh, văn phòng hoặc thành lập các doanh nghiệp (DN) chỉ để làm dịch vụ hồ sơ hoàn thuế.
 - +) Một số công ty ảo được lập ra, không với mục đích kinh doanh mà chỉ để bán hóa đơn rồi sau đó biến mất.
 - +) Nhiều công ty tiến hành việc mua bán hóa đơn không để làm tăng số thuế GTGT đầu vào với giá trị thường là 10%, một số ít là 5% trị giá ghi trên hóa đơn để giảm số thuế GTGT phải nộp. Hiện tượng này rất phổ biến với những doanh nghiệp may công và chủ yếu mua hóa đơn của những công ty than bùn để đội số thuế GTGT đầu vào lên cao nhằm giảm số thuế GTGT phải nộp
 - +) Một số công ty khi ăn uống tiếp khách thường xin hóa đơn của nhà hàng với mức thuế suất cao hơn so với thực tế nhằm làm tăng số thuế GTGT đầu vào của công ty.
 - +) Mua hàng thì rất ít nhưng giá trị trên hóa đơn lại được ghi rất lớn nhằm làm tăng số thuế GTGT đầu vào
 - +) Một số công ty bán hàng nhưng không xuất hóa đơn hoặc không lập bảng kê đầu ra cho 1 số khách mua lẻ nhằm làm giảm số thuế GTGT đầu ra. Chính hiện tượng này làm cầu nối cho việc buôn bán hóa đơn ngày càng phát triển

3.3.3 Một số kiến nghị tổng quan mà bản thân đưa ra nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán toàn bộ hệ thống thuế GTGT

+)**Thứ nhất:** Những chính sách thuế phải chặt chẽ, ít khe hở để doanh nghiệp không thể lợi dụng nhầm trốn lậu thuế. Muốn thế, những nhà làm luật phải quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực thuế GTGT để có những giải pháp tốt để hoàn thiện nó, vì nó là một khoản thu lớn, chủ yếu của NSNN. Họ phải thâu tóm được toàn bộ những bất cập hiện còn đang tồn tại trong hệ thống thuế GTGT để sâu sát vào những vấn đề đó và đưa ra những giải pháp giải quyết những vướng mắc về vấn đề phương pháp tính thuế(nghiên cứu cái được và mất khi quyết định chỉ áp dụng một phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), vấn đề quy trình hoàn thuế đang là vấn đề nhức nhối trong giai đoạn này

+)**Thứ hai:** Hệ thống pháp luật phải đủ mạnh, phải mang tính răn đe cao, đánh mạnh vào tài sản để tài chính của doanh nghiệp khi doanh nghiệp có những hành vi gian lận nhầm trốn lậu thuế,

+)**Thứ ba:** Nâng cao trách nhiệm, tính liêm khiết của những cán bộ thuế, cán bộ hải quan trong công tác kiểm tra, thanh tra thuế. Sàng lọc và loại bỏ những thành viên gây tiếng xấu trong ngành thuế và hải quan.

+)**Cuối cùng:** Tuyển dụng thêm những cá nhân có nghiệp vụ, có tâm vào ngành thuế và hải quan vì số lượng các doanh nghiệp quá lớn, những cán bộ thuế lại quá ít không thể đảm bảo cho công việc có thể hoàn thành đúng tiến độ, Đồng thời hàng năm có thể bình sàng lọc để chọn ra những người thực sự xứng đáng để ở lại trong nghề.

KẾT LUẬN

Sau thời gian thực tế tại phòng kế toán của Công THHH Rich Beauty, em đã được sự giúp đỡ của Ban Giám đốc, phòng kế toán và cán bộ trong Công ty đã tạo điều kiện cho em nghiên cứu tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán doanh nghiệp nói chung.

Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu tình hình thực tế kế toán tại Công ty em thấy rằng: Công tác kế toán ở Công ty đã phát huy được rất nhiều mặt mạnh và đó là những thành công của Công ty trong những năm qua. Tuy nhiên bên cạnh đó không tránh khỏi những mặt còn tồn tại. Để khắc phục những mặt còn tồn tại đó, em xin đưa ra những ý kiến đóng góp với mục đích hoàn thiện thêm một vài phần hạch toán nói riêng và công tác kế toán nói chung trong Công ty. Những ý kiến đóng góp trên cơ sở thực tế của Công ty, hy vọng nó sẽ có tác dụng tốt đối với công tác kế toán của Công ty.

Do thời gian tiếp xúc với công tác kế toán chưa nhiều và cũng là bước đầu tìm hiểu về kế toán, nên các vấn đề em đưa ra trong báo cáo thực tập này có thể chưa mang tính chất khái quát cao, cách giải quyết chưa hoàn toàn thấu đáo và không tránh khỏi những sai sót.

Vì vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, các cán bộ kế toán trong Công ty để bài báo cáo thực tập tốt nghiệp của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Thái Bình, ngày 18 tháng 04 năm 2012

Sinh viên

Phạm Thị Phương

